

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Đại Lộc, tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Phần thứ nhất: CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP PHƯỜNG	4
I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
1. Cơ sở chính trị	4
2. Căn cứ pháp lý.....	5
II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	6
1. Đáp ứng quy mô dân số và diện tích lớn.....	7
2. Thúc đẩy phát triển hạ tầng và kinh tế đô thị	7
3. Nâng cao chất lượng sống và dịch vụ công.....	7
4. Môi trường sống:	8
Phần thứ hai: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	8
I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN.....	8
1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng	8
2. Lịch sử hình thành và phát triển	9
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất.....	10
4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư	12
5. Hiện trạng phát triển kinh tế	14
6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội	21
7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội	29
8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị	34
9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.....	43
10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức	44
II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	46
1. Tiêu chuẩn 1	47
2. Tiêu chuẩn 2.	47
3. Tiêu chuẩn 3.	47
4. Tiêu chuẩn 4.	48
5. Tiêu chuẩn 5	48
Phần thứ ba: PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC.....	50
THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	50
I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	50
II. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	50

1. Thay đổi vị thế chính trị và Quản lý hành chính	50
2. Bứt phá về Cơ cấu kinh tế và Lao động	51
3. Hạ tầng đô thị đồng bộ và Hiện đại	51
4. Nâng cao đời sống văn hóa - xã hội	51
5. Quốc phòng - An ninh được thắt chặt	51
Phần thứ tư: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG SAU KHI THÀNH LẬP	52
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG.....	52
1. Kinh tế - xã hội.....	52
2. Quản lý hành chính.....	53
3. Tác động về đất đai và môi trường.....	55
4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan.....	58
5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	59
6. Tác động về kinh phí	61
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA PHƯỜNG ĐẠI LỘC SAU KHI THÀNH LẬP	62
1. Quan điểm, mục tiêu phát triển tổng quát	62
2. Một số mục tiêu cụ thể	62
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	67
1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	67
2. Thành lập Công an phường Đại Lộc	69
3. Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ:.....	70
IV. LỘ TRÌNH, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ HIỆN CÒN CHƯA ĐẠT.....	71
1. Các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt.....	71
2. Lộ trình, giải pháp khắc phục:	72
Phần thứ năm: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	74
I. KẾT LUẬN.....	74
II. KIẾN NGHỊ	75
1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	75
2. Đối với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương	76
3. Đối với địa phương.....	77

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐA-UBND

Đại Lộc, ngày tháng năm 2026

**ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG
XÃ ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Phần thứ nhất
CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
THÀNH LẬP PHƯỜNG**

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

Thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển đô thị và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, việc tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp cơ sở theo hướng phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ cấp thiết đặt ra đối với các địa phương.

Đối với Thành phố Đà Nẵng, việc phát triển hệ thống đô thị, hình thành các trung tâm công nghiệp - dịch vụ, tăng cường liên kết vùng được xác định là một trong những định hướng lớn, có tính chiến lược lâu dài. Trên cơ sở các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và định hướng phát triển đô thị của thành phố, việc nâng cấp các đơn vị hành chính có đủ điều kiện từ xã lên phường nhằm phù hợp với tính chất đô thị, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ là yêu cầu tất yếu.

Xã Đại Lộc, sau khi được thành lập trên cơ sở sáp nhập các đơn vị hành chính theo chủ trương chung, đã từng bước khẳng định vai trò là khu vực có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh của thành phố. Quy mô kinh tế trên địa bàn không ngừng mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa.

Cùng với đó, quy mô dân số tăng nhanh, phân bố dân cư ngày càng tập trung; nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ đô thị ngày càng gia tăng. Hệ thống giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc từng bước được đầu

tư; hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Những yếu tố này đã và đang làm thay đổi căn bản tính chất của đơn vị hành chính từ khu vực nông thôn sang khu vực đặc trưng đô thị.

Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu đặt ra đối với cấp cơ sở không chỉ dừng lại ở quản lý hành chính thuần túy mà còn phải thực hiện chức năng quản lý phát triển đô thị, quản lý dân cư, quản lý trật tự xây dựng, môi trường và cung ứng dịch vụ công ngày càng cao. Việc tiếp tục duy trì mô hình đơn vị hành chính cấp xã đối với địa bàn đã có đầy đủ các yếu tố phát triển đô thị sẽ không còn phù hợp, dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Xuất phát từ những định hướng lớn của Đảng, phù hợp với quy hoạch phát triển của Thành phố Đà Nẵng và từ thực tiễn phát triển nhanh của địa bàn xã Đại Lộc trong thời gian qua, việc xây dựng Đề án thành lập phường Đại Lộc trên cơ sở nguyên trạng xã Đại Lộc là yêu cầu khách quan, cần thiết, nhằm bảo đảm tổ chức đơn vị hành chính phù hợp với tính chất đô thị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;
- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;
- Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sau sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQDP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Các văn bản hướng dẫn của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng: Công văn số 599/SXD-QHKT&PTĐT ngày 14/7/2025 về việc quy hoạch đô thị và nông thôn sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; Công văn số 3212/SXD-QHKT&PTĐT ngày 25/8/2025 về việc hướng dẫn quy hoạch chung, quy hoạch phân khu tại đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết tại đô thị, nông thôn trên địa bàn TP Đà Nẵng; Công văn số 4632/SXD-QHKT&PTĐT ngày 17/9/2025 về Kế hoạch triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn TP Đà Nẵng sau sắp xếp đơn vị hành chính; Công văn số 4796/SXD-QHKT&PTĐT ngày 18/9/2025 về việc hướng dẫn hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/7/2025 của Đảng ủy xã Đại Lộc về Đại hội Đảng bộ xã Đại Lộc lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 về xác định lộ trình phát triển cụ thể, trong đó phân đầu: giai đoạn 2025–2026 đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; giai đoạn 2026–2027 đạt chuẩn xã nông thôn mới hiện đại; giai đoạn 2028–2030 hoàn thiện các điều kiện để trở thành Phường.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Việc thành lập các phường phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương; nhằm cụ thể hóa chủ trương sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với quá trình đô thị hóa; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, mở rộng phạm vi quản lý đô thị và nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng văn minh, hiện đại, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, trật tự đô thị, môi trường, hạ tầng kỹ thuật; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị, cải cách hành chính,

chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Việc thành lập phường Đại Lộc là một bước đi mang tính chiến lược trong lộ trình phát triển đô thị của thành phố Đà Nẵng, nhằm cụ thể hóa mục tiêu xây dựng phường với quy mô dân số và hạ tầng vượt trội thành một đơn vị hành chính đô thị kiểu mẫu vào năm 2030, cụ thể như sau:

1. Đáp ứng quy mô dân số và diện tích lớn.

Xã Đại Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập **05 đơn vị hành chính** (thị trấn Ái Nghĩa và các xã Đại Hiệp, Đại An, Đại Hòa, Đại Nghĩa) với tổng diện tích 73,97 km² và dân số hơn **62.684 người**. Với quy mô tương đương hoặc thậm chí lớn hơn nhiều huyện cũ của tỉnh Quảng Nam, việc duy trì mô hình quản lý nông thôn (cấp xã) sẽ gây áp lực lớn cho bộ máy chính quyền, đòi hỏi phải chuyển đổi sang mô hình quản lý đô thị (cấp phường) để vận hành hiệu quả hơn.

2. Thúc đẩy phát triển hạ tầng và kinh tế đô thị

- Hạ tầng đồng bộ: Đại Lộc đã có nền tảng hạ tầng tương đối tốt từ khu vực trung tâm huyện lỵ cũ trước đây. Việc lên phường sẽ giúp thu hút thêm các nguồn lực đầu tư công và tư nhân để nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, tiến tới phủ sóng 5G và xây dựng mô hình phường kiểu mẫu.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Phường Đại Lộc được định hướng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung vào các cụm công nghiệp dọc tuyến Quốc lộ 14B và nông nghiệp công nghệ cao. Mục tiêu thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 85 triệu đồng.

- Vị trí chiến lược và động lực kết nối vùng

Cửa ngõ Tây Nam: Nằm ở vị trí chiến lược kết nối giao thương giữa vùng đồng bằng và miền núi phía Tây, Đại Lộc đóng vai trò là đô thị động lực dọc sông Yên và sông Vu Gia.

Lan tỏa phát triển: Khi trở thành phường kiểu mẫu, Đại Lộc sẽ là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của các địa phương lân cận trong không gian đô thị mở rộng của Đà Nẵng.

3. Nâng cao chất lượng sống và dịch vụ công

Hành chính hiện đại: Chuyển đổi sang mô hình phường giúp bộ máy chính quyền hướng tới nền hành chính phục vụ, hiện đại và minh bạch hơn, phù hợp với trình độ dân trí ngày càng cao của khu vực.

4. Môi trường sống:

Phường Đại Lộc được quy hoạch là một đô thị năng động, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, giúp giải quyết các vấn đề sạt lở và lũ lụt tại khu vực "rốn lũ" thông qua đầu tư bài bản.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Đại Lộc nằm ở Tây Nam của thành phố Đà Nẵng Phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã theo Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025, được xác định như sau:

Phía Bắc giáp: xã Hòa Tiến

Phía Nam giáp: xã Thu Bồn

Phía Đông giáp: Phường Điện Bàn Bắc, xã Điện Bàn Tây, xã Gò Nổi

Phía Tây giáp: xã Vu Gia, xã Hà Nha

b) Vai trò chức năng

- Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố: Tại điểm a, khoản 3, mục III, Điều 1 Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Đại Lộc được xác định:

+ Cụm động lực (Điện Bàn - Hội An - Đại Lộc): Là cực tăng trưởng phía Bắc của Quảng Nam (cũ), kết nối với các không gian kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Hình thành chuỗi đô thị ven sông, ven biển thông qua các tuyến đường bộ và hệ thống sông Vu Gia, Thu Bồn, Cổ Cò; phát triển hành lang du lịch dựa trên tuyến giao thông đường thủy; Điều chỉnh các cụm công nghiệp trên trục quốc lộ 14B huyện Đại Lộc (cũ) theo hướng kết nối, mở rộng thành các khu công nghiệp với hạ tầng đồng bộ, môi trường đảm bảo.

+ Ba hành lang phát triển kinh tế gồm: Hành lang dọc quốc lộ 14B và quốc lộ 14E nối lên quốc lộ 14D đến Cửa khẩu quốc tế Nam Giang: Là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và Nam Lào - Bắc Campuchia.

- Tại khoản 2, mục VIII, Điều 1 Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Đại Lộc được xác định: Vùng huyện Đại Lộc (cũ) là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Quảng Nam, tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng, có vai trò quan trọng trong sự kết nối kinh tế Trung Trung Bộ với Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp.

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Xã Đại Lộc được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Ái Nghĩa, xã Đại Hiệp, Đại An, Đại Hòa và xã Đại Nghĩa thành xã mới có tên gọi là xã Đại Lộc, chính thức được đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025, với diện tích tự nhiên 73,97 km², dân số 62.684 người. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính thành xã Đại Lộc mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các đơn vị được sáp nhập có vị trí liên kề, liên kết chặt chẽ về lịch sử, văn hóa, xã hội và kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước. Khu vực có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, đặc biệt là trục DT 609B đi qua trung tâm, quốc lộ 14B nằm dọc hành lang kinh tế Đông Tây của Thành phố, bảo đảm tính liên thông, hỗ trợ hiệu quả cho việc điều hành, phát triển Công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau sáp nhập, đã tạo ra không gian phát triển mới với quy mô lớn hơn, đồng thời kế thừa các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các đơn vị hành chính trước khi sáp nhập.

Ngay sau khi được thành lập, hệ thống chính trị của xã đã được kiện toàn, tổ chức bộ máy từng bước đi vào ổn định, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Đại Lộc đã phát huy vai trò là cấp chính quyền gần dân, sát dân, trực tiếp tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao trong điều kiện quy mô dân số lớn, phạm vi quản lý rộng và tốc độ phát triển nhanh.

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển chung của Thành phố, xã Đại Lộc đã có bước phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực. Quy mô kinh tế không ngừng được mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được

cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đô thị, quản lý đất đai, xây dựng, môi trường và cung ứng dịch vụ công.

Như vậy, có thể thấy xã Đại Lộc sau khi được thành lập đã nhanh chóng ổn định tổ chức, từng bước phát triển và đang chuyển dịch theo hướng đô thị hóa rõ nét, tạo tiền đề quan trọng cho việc nghiên cứu, xây dựng đề án thành lập phường trong giai đoạn tiếp theo.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của xã Đại Lộc là 73,97 km². Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 52,24 km², chiếm 70,58 %; diện tích đất phi nông nghiệp là 20,59 km², chiếm 27,82 % và diện tích đất chưa sử dụng là 1,19 km², chiếm 1,61%.

b) Cơ cấu các loại đất

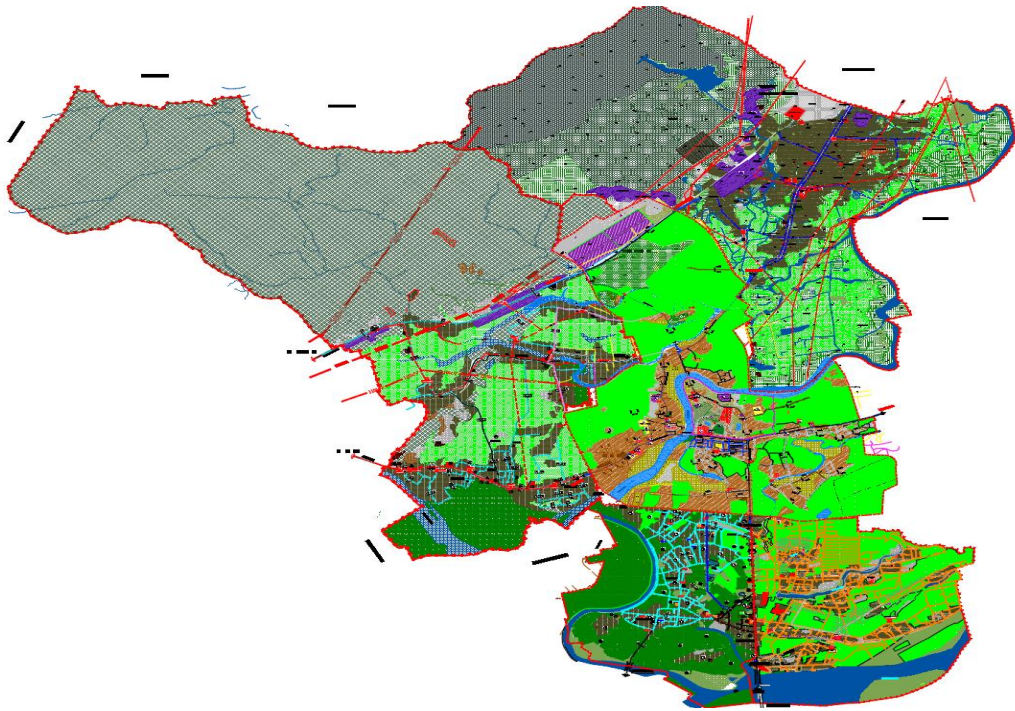
Bảng 1. Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: km²

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		73,97	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	52,24	70,58
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	23,24	31,40
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5,32	7,19
3	Đất lâm nghiệp	LNP	23,4	31,68
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,17	0,22
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0,00	0,00
6	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,06	0,08
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	20,59	27,82

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (Km ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	OTC	8,16	11,02
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,11	0,15
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,13	0,17
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,52	0,70
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,06	2,79
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3,47	4,69
7	Đất tôn giáo	TON	0,03	0,04
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,09	0,12
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1,72	2,32
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	4,31	5,82
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,00
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,19	1,61
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	0,00	0,00
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1,16	1,57
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0,03	0,04
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	0,00	0,00
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0,00	0,00

Bản đồ: Hiện trạng sử dụng đất



4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số:

Xã Đại Lộc có quy mô dân số là 62.684 người.

b) Cơ cấu lao động:

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Đại Lộc chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 39.039 (chiếm 62,28%); trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế: 30.227 người (đạt 77.42%); Không tham gia hoạt động kinh tế: 8.802 người (chiếm 22,54%); Lao động chưa có việc làm: 10 (tỷ lệ thất nghiệp: 0.04%).

Cơ cấu lao động theo trình độ: Lao động chưa qua đào tạo: 11.252 người (28,82 %); Lao động qua đào tạo: 27.787 người (71,18%), gồm: Công nhân kỹ thuật không bằng: 12.244 người, chứng chỉ nghề dưới 3 tháng: 3.320 người, sơ cấp: 1.902 người, trung cấp: 3.050 người, Cao đẳng: 2.915 người, Đại học: 4.314 người, trên đại học: 42 người thể hiện sự chuyển biến về chất lượng nguồn nhân lực. Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ, cụ thể:

- Tổng số lao động phi nông nghiệp là 22.608 người (tỷ lệ 74,79%), Trong đó: công nghiệp - xây dựng: 11.633 người (tỷ lệ 38,49%), thương mại - dịch vụ: 10.975 người (tỷ lệ 36,31%).

- Tổng số lao động trong các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp: 7.619 người (tỷ lệ: 25,21%)

c) Thành phần dân cư:

- Thành phần dân cư của xã Đại Lộc, TP Đà Nẵng (sau sáp nhập năm 2025) mang đặc thù của một "siêu xã" ven đô đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ từ nông thôn sang thành thị.

+ Quy mô và Mật độ dân số: Tổng dân số 62.684 người (số liệu tính đến tháng 7/2025). Mật độ dân số đạt khoảng 827 người/km² trên diện tích tự nhiên là 73,97 km². Đây là mật độ dân số khá cao so với mặt bằng chung các xã nông thôn, tương đương với mức độ của một đô thị đang hình thành.

+ Thành phần theo đơn vị cũ: Dân cư được hợp nhất từ 5 đơn vị hành chính: thị trấn Ái Nghĩa và các xã Đại Hiệp, Đại Hòa, Đại An, Đại Nghĩa. Trong đó, khu vực thị trấn Ái Nghĩa cũ đóng vai trò là trung tâm tập trung dân cư đông đúc nhất.

- Thành phần dân tộc và Tôn giáo

+ Dân tộc: Đại đa số là người Kinh. Là khu vực cửa ngõ kết nối vùng đồng bằng ven biển với miền núi, dân cư tại đây có sự ổn định về đời sống văn hóa, kế thừa những nét đặc trưng của vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng.

+ Tôn giáo: Thành phần cư dân bao gồm các tín đồ của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài và Tin Lành. Chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt chúc sức khỏe, chúc việc để thắt chặt khối đại đoàn kết dân tộc.

- Phân tầng theo nghề nghiệp và trình độ

+ Dân cư xã Đại Lộc đang có sự phân tầng rõ rệt theo hướng đô thị hóa:

Nhóm lao động công nghiệp - dịch vụ: Chiếm tỷ lệ lớn (trên 74%) và ngày càng tăng. Đây là lực lượng công nhân làm việc tại 8 cụm công nghiệp trên địa bàn, tiểu thương và những người làm trong lĩnh vực dịch vụ hành chính, thương mại.

Nhóm lao động nông nghiệp: Đang giảm dần và chuyển dịch sang mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Thu nhập: Đời sống người dân ở mức khá, với thu nhập bình quân đầu người đạt trên 66,91 triệu đồng/năm (số liệu 2025).

- Đặc điểm cộng đồng

+ Dân cư ổn định: Phần lớn là người địa phương có truyền thống lâu đời, có tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng cao trong việc xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

+ Cơ cấu độ tuổi: Đang ở thời kỳ "dân số vàng" với lực lượng lao động dồi dào, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển của các khu công nghiệp và đô thị mới.

Xã Đại Lộc hiện được phân loại là Xã loại I (theo Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 24/4/2026), khẳng định quy mô dân cư và vị thế quan trọng của đơn vị hành chính này trong sự phát triển chung của TP Đà Nẵng.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 10% .

- Tổng giá trị sản xuất năm 2025 đạt 7.881,10 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2024 (năm 2024 đạt 6.972,14 tỷ đồng). Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp định hướng phát triển đô thị, cụ thể theo 3 khu vực kinh tế như sau:

+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 19,50%;

+ Công nghiệp - xây dựng chiếm 47,30%;

+ Dịch vụ chiếm 33,20%.

- Kinh tế trên địa bàn xã Đại Lộc phát triển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn duy trì mức tăng trưởng ổn định qua các năm; trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt **80,50%** trong cơ cấu tổng giá trị sản phẩm năm 2025, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn hiện nay.

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã trong những năm qua không ngừng được cải thiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị; mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh và giải quyết việc

làm cho lao động nông thôn, mức sống của người dân trên địa bàn xã ngày càng được nâng lên rõ rệt.

+ Cụ thể, thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của xã Đại Lộc đạt 62,6 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức bình quân của tỉnh Quảng Nam cùng năm là 45,8 triệu đồng/người/năm, cho thấy nền kinh tế địa phương có bước phát triển tích cực và ổn định. Đến năm 2024, thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng lên đạt 63,8 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh Quảng Nam là 53,6 triệu đồng/người/năm. Ước thực hiện năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt khoảng 66,91 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức bình quân chung của thành phố Đà Nẵng là 66,4 triệu đồng/người/năm.

+ Kết quả trên phản ánh hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời cho thấy các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của xã. Thu nhập của người dân ngày càng ổn định đã tạo điều kiện để Nhân dân nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, từng bước xây dựng môi trường sống văn minh, hiện đại và góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn xã Đại Lộc trong thời gian tới.

- Tỷ lệ hộ nghèo: Sau khi sáp nhập, xã Đại Lộc thành phố Đà Nẵng đang nỗ lực phát huy hiệu quả các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, mục tiêu là đảm bảo sự phát triển bền vững nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân. Hằng năm, công tác rà soát về chính sách nghèo trên địa bàn đảm bảo, đúng quy trình, thực hiện chính sách giảm tỷ lệ nghèo qua từng năm.

Cụ thể số liệu 3 năm 2023,2024, 2025 như sau:

Bảng 2. Bảng so sánh tỷ lệ hộ nghèo của các năm 2023, 2024, 2025 so với tỷ lệ hộ nghèo của thành phố

Đơn vị xã	Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
	Số hộ dân cư	Số hộ nghèo trên địa bàn xã	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ nghèo thành phố(%)	Số hộ dân cư	Số hộ nghèo trên địa bàn xã	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ nghèo thành phố(%)	Số hộ dân cư	Số hộ nghèo trên địa bàn xã	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ nghèo thành phố(%)
<i>Xã Đại Lộc</i>	14974	78	0,52	3,77	15.016	67	0,45	3,07	15.016	67	0,45	2,48

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của địa phương đạt 74,79%, lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh: và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, đồng thời chịu tác động của việc thu hút đầu tư và mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Trong những năm qua, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Đại Lộc có bước phát triển tích cực, đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy đô thị hóa của địa phương. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn mới.

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tiếp tục được duy trì ổn định với các ngành nghề chủ yếu như chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, gỗ công nghiệp, may mặc, gia công cơ khí và các ngành nghề phục vụ xây dựng. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cơ bản hoạt động hiệu

quả, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

Hiện nay xã có 08 Cụm công nghiệp (viết tắt là CCN) đã được Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 (kể cả một phần diện tích của CCN Ấp 5 thuộc địa phận xã Đại Nghĩa cũ) với tổng diện tích khoảng 207,74ha (phần diện tích đất công nghiệp khoảng 149,96ha), tỷ lệ lấp đầy của các Cụm công nghiệp trên địa bàn xã đạt trên 70%. Trong bối cảnh xã Đại Lộc đang được định hướng phát triển theo hướng đô thị, tiến tới phường trong thời gian tới, nhu cầu sắp xếp lại không gian sản xuất công nghiệp theo hướng tập trung, giảm dần các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong khu dân cư là hết sức cần thiết. Việc phát triển các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bảo đảm yêu cầu về môi trường, an toàn và kết nối giao thông sẽ là cơ sở quan trọng để thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phù hợp, đồng thời tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. Trên cơ sở rà soát, xã Đại Lộc đề xuất phương án phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn xã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo định hướng Quy hoạch chung của thành phố, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, hạ tầng kỹ thuật, nhu cầu thu hút đầu tư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bảng 3. Phương án phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn Đại Lộc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên CCN	Diện tích (ha)			Phương án điều chỉnh		Ghi chú
		Quy hoạch (theo QĐ 1287/QĐ 72)	Hiện trạng (theo QĐTL CCN)	Điều chỉnh (tăng+/giảm-)	Diện tích quy hoạch sau điều chỉnh (ha)	Dự kiến tiến độ triển khai	
1	Đại An	75	75	0.00	75.00	2026 - 2030	Đang thực hiện
2	Đại An 2	0	0	50	50	2026 - 2030	Bổ sung quy hoạch mới
3	Đại Hiệp	50	50	25	75	2026 - 2030	Điều chỉnh ranh giới và mở rộng diện tích lên 75ha
4	Đại Nghĩa 3	0	0	50	50	2030 - 2035	Bổ sung quy hoạch mới
5	Đại Nghĩa 2	25,53	25.53	19,47	45	2026 - 2030	Mở rộng diện tích lên 45 ha

6	Đại Nghĩa 1	13,07	13.85	36,93	50	2026 - 2030	Mở rộng diện tích lên 50ha
7	Áp 5	20,5	20.5	29,5	50	2026 - 2030	Đề xuất giao cho xã Đại Lộc quản lý và mở rộng diện tích lên 50ha
8	Đồng Mặn	10,34	10,34	0	10,34		Cập nhật lại
9	Đồng Phú	53,3	45	21,7	75	2026 - 2030	Mở rộng diện tích lên 75ha
10	Tích Phú	30	0	45	75	2026 - 2030	Mở rộng diện tích lên 75ha

Cùng với sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp, hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được địa phương tập trung triển khai, tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo đô thị và không gian phát triển của khu vực trung tâm Đại Lộc. Trong thời gian qua, nhiều công trình, dự án trọng điểm đã và đang được đầu tư trên địa bàn như dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn; đường Tránh phía Tây thị trấn Ái Nghĩa, Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa, đường ĐH1 nối DT609B và DT609C, đường giao thông từ ĐH3.ĐL đi trung tâm hành chính huyện Đại Lộc cũ, các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm; các dự án khu dân cư, chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm Ái Nghĩa; các tuyến giao thông kết nối liên vùng và các tuyến ĐH được đầu tư nâng cấp, mở rộng, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tăng khả năng kết nối giữa các khu vực trên địa bàn.

Bên cạnh đó, nhiều công trình đầu tư công về giáo dục, văn hóa, hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng, thoát nước, chỉnh trang cảnh quan đô thị tiếp tục được quan tâm triển khai, từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị và điều kiện sống của Nhân dân. Việc đầu tư các khu tái định cư, khu dân cư mới với hệ thống hạ tầng tương đối đồng bộ đã góp phần mở rộng không gian đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo động lực thu hút đầu tư trong thời gian tới.

Hiện nay, địa phương đang tập trung phối hợp triển khai, kêu gọi đầu tư một số dự án đô thị, khu dân cư và các dự án phát triển hạ tầng theo định hướng quy hoạch đô thị của thành phố Đà Nẵng. Một số dự án như Khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa (Khu T12 mở rộng), Khu dân cư Song Mỹ, Khu Phố chợ Đại An và các dự án phát triển đô thị trên địa bàn đang được nghiên cứu, xúc tiến đầu tư, từng bước hình thành các khu đô thị mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng không gian đô thị của địa phương.

Hoạt động xây dựng dân dụng trên địa bàn diễn ra khá sôi động, nhất là tại khu vực trung tâm và dọc các tuyến giao thông chính. Nhu cầu đầu tư nhà ở, cơ

sở kinh doanh, thương mại - dịch vụ ngày càng tăng, phản ánh xu hướng đô thị hóa ngày càng rõ nét và vai trò trung tâm phát triển của Đại Lộc trong khu vực phía Tây thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng vẫn còn một số khó khăn như quy mô sản xuất ngoài cụm công nghiệp còn nhỏ lẻ; hạ tầng kỹ thuật tại một số khu vực chưa thật sự đồng bộ; công tác quản lý trật tự xây dựng, chỉnh trang đô thị và bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa còn gặp nhiều áp lực. Tuy nhiên, với lợi thế vị trí địa lý, hệ thống giao thông ngày càng hoàn thiện, quỹ đất phát triển đô thị còn tương đối lớn và định hướng quy hoạch phát triển rõ ràng, Đại Lộc có nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững trong thời gian tới.

- Về Thương mại - Dịch vụ:

Xã Đại Lộc có lợi thế là xã được thành lập từ 5 xã cũ, trong đó Thị trấn Ái Nghĩa là khu vực trung tâm của huyện Đại Lộc (cũ), lĩnh vực thương mại - dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế, có bước phát triển tương đối nhanh, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Hệ thống cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ ngày càng được mở rộng với nhiều loại hình đa dạng như: chợ, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, dịch vụ ăn uống, vận tải, lưu trú, tài chính, viễn thông và các dịch vụ phục vụ sinh hoạt dân cư.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động, nguồn cung hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Mạng lưới phân phối hàng hóa từng bước được đầu tư phát triển; số lượng hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ tăng qua các năm, góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Hiện nay trên địa bàn xã có 2.091 hộ kinh doanh, 5 chợ, 9 siêu thị mini, hơn 50 cửa hàng tạp hóa lớn và điện tử, điện gia dụng.

Lĩnh vực dịch vụ có sự chuyển biến tích cực theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng. Các loại hình dịch vụ phục vụ dân sinh như giáo dục, y tế, ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải, dịch vụ sửa chữa, giải trí... ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu đô thị hóa và nhu cầu ngày càng cao của người dân. Một số tuyến đường, khu vực trung tâm đã hình thành các điểm kinh doanh, dịch vụ tập trung, tạo diện mạo đô thị ngày càng khang trang, hiện đại.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; phù hợp với định hướng phát triển đô thị và tiêu chí thành lập phường. Hoạt động thương mại - dịch vụ đã góp phần tích cực vào

tăng trưởng kinh tế địa phương, tăng thu ngân sách và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Nhìn chung, lĩnh vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, phù hợp với xu thế đô thị hóa và định hướng xây dựng chính quyền đô thị.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

+ Sản xuất Nông nghiệp

Nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã với các thế mạnh được kế thừa từ các đơn vị cũ.

Diện tích & Sản lượng: Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của xã đạt gần 2.950 ha với sản lượng lương thực cây có hạt bình quân hằng năm hơn 21.000 tấn.

Vùng sản xuất tập trung: địa phương đã xác định được 2 vùng chuyên canh chính:

Vùng 1: Phát triển nông nghiệp chuỗi giá trị, ứng dụng kỹ thuật cao cho rau sạch, cây màu và cây công nghiệp hằng năm.

Vùng 2: Tập trung sản xuất lúa giống và cây lương thực chất lượng cao.

Liên kết sản xuất: Diện tích liên kết sản xuất lúa giống chiếm hơn 22% (khoảng 476 ha) tổng diện tích lúa toàn xã, nổi bật với vai trò của HTX Nông nghiệp Ái Nghĩa.

Sản phẩm OCOP: Xã có 8 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Các sản phẩm tiêu biểu bao gồm: Bánh tráng Đại Lộc (4 sao), Gạo an toàn Ái Nghĩa (3 sao) và Nấm sò Đại Hiệp.

+ Lâm nghiệp

Lâm nghiệp chủ yếu tập trung vào việc quản lý rừng sản xuất và bảo vệ nguồn nước cho thủy lợi.

Quản lý rừng: Địa bàn xã có các khu vực rừng sản xuất được giao cho các chủ rừng quản lý, như khu vực quanh đập Trà Cân (thôn Phú Hải, xã Đại Hiệp cũ).

Chăn nuôi kết hợp: Mô hình kinh tế trang trại, gia trại kết hợp trồng trọt và phát triển lâm nghiệp đang được khuyến khích để nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Thủy sản

Ngành thủy sản tại địa phương hiện chủ yếu là nuôi trồng nước ngọt, tận dụng diện tích mặt nước từ ao hồ và các công trình thủy lợi.

Hình thức nuôi: Chủ yếu là nuôi cá lồng bè (cá điêu hồng, cá lóc) và tận dụng mặt nước tự nhiên tại các ao hồ, đập như đập Trà Cân hay bầu Thạch Bộ.

Thách thức: Việc sản xuất thủy sản vẫn còn ở quy mô nhỏ lẻ, manh mún và đôi khi gặp khó khăn do vấn đề ô nhiễm nguồn nước cục bộ.

Định hướng đến năm 2030: Xã Đại Lộc đặt mục tiêu chuyển dịch mạnh mẽ sang công nghiệp và dịch vụ, nhưng vẫn duy trì nông nghiệp công nghệ cao làm nền tảng để phấn đấu trở thành một phường thuộc thành phố Đà Nẵng.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

- Mạng lưới trường lớp: Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 trường THPT, 19 cơ sở giáo dục trực thuộc xã quản lý, bao gồm: 8 trường mầm non, (06 công lập; 02 ngoài công lập); 07 trường tiểu học; 4 trường trung học cơ sở và 23 cơ sở mầm non độc lập tư thục. Mạng lưới trường lớp được phân bố tương đối hợp lý theo địa bàn dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Các trường học đều có địa điểm ổn định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển đô thị.

- Quy mô học sinh, lớp học: Tổng số học sinh toàn xã là 11.290 em, với 372 lớp học, trong đó: Mầm non: 2905 em/125 lớp; Tiểu học: 4643 em/146 lớp; Trung học cơ sở: 3742 em/101 lớp.

Đội ngũ: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 3 cấp học (*Công lập và tư thục*) hiện có: 750 người (CBQL: 42 người, Giáo viên: 653 người, nhân viên 55 người). Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp đồng tại các trường học trên địa bàn cơ bản được bổ sung, đảm bảo số lượng và phù hợp vị trí việc làm, góp phần đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục trong năm học.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Các trường cơ bản có đủ phòng học, các phòng chức năng như thư viện, phòng thiết bị, phòng tin học, phòng nghệ thuật,...; tuy nhiên, một số phòng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia. Hệ thống trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nhưng chưa đồng bộ và còn thiếu ở một số hạng mục. Để đảm bảo thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần tiếp tục bố trí kinh phí đầu tư, mua sắm bổ sung và thay thế thiết bị hư hỏng; trong đó ưu tiên mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp 5 và lớp 9, bổ sung phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ, máy

tính, thiết bị trình chiếu, bàn ghế, bảng và các điều kiện phục vụ dạy học theo quy định.

- Kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục đạt 17/17 trường công lập, đạt 100%, trong đó đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 có 17/17 trường, tỷ lệ 100%, trường đạt chuẩn quốc gia mức 2 có 16/17 trường, tỷ lệ 94%, mức 1 có 1/17 trường, tỷ lệ 6%

- Về chất lượng dạy và học

- + Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định và từng bước nâng cao: Tỷ lệ trẻ em mầm non huy động ra lớp đạt 98%, tỷ lệ trẻ em 06 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%; tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp đạt trên 95%.

- + Toàn xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, chất lượng giáo dục xóa mù chữ đạt mức độ 2.

b) Y tế

- Xã có 01 Trạm Y tế và 04 điểm y tế đạt chuẩn quốc gia, thực hiện chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

- + Tổng số cán bộ y tế: 26 người (trong đó: 00 bác sĩ, 05 y sĩ, 07 điều dưỡng, 06 hộ sinh, 01 dược sĩ, 04 dân số viên, 03 khác).

- + Trạm Y tế phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các chương trình y tế chủ động phòng, chống dịch bệnh, tăng cường giám sát công tác Y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt các chương trình Y tế, phòng, chống các bệnh xã hội. Phòng, chống HIV/AIDS, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh thực hiện tốt quy chế chuyên môn, hoàn thành các chỉ tiêu về các chương trình Y tế Quốc gia và chuẩn quốc gia nâng cao. Tăng cường quản lý công tác An toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động trên địa bàn xã, công tác Y tế học đường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Chủ động thực hiện tốt các công tác chuyên môn tại Trạm Y tế.

- + Công tác khám, chữa bệnh được duy trì thường xuyên, với: Số lượt khám chữa bệnh trung bình: khoảng hơn 10.000 lượt/năm (khám ngoại trú). Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai đầy đủ, đạt kết quả: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: đạt trên 95 %. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện chủ động: Tổ chức giám sát, xử lý kịp thời các bệnh như sốt xuất huyết,

tay chân miệng....100% ổ dịch nhỏ được khoanh vùng và xử lý kịp thời. Không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Các chương trình Y tế quốc gia được triển khai đầy đủ, hiệu quả: như: Chương trình tiêm chủng mở rộng, Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, Chương trình phòng chống bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường...), Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về cân nặng dưới 5 tuổi giảm còn khoảng 6,20%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao dưới 5 tuổi 12,35%. Công tác An toàn thực phẩm trên địa bàn xã được đảm bảo, không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 01 trung tâm y tế khu vực Đại Lộc. Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Y tế là chăm sóc bảo vệ nâng cao sức khỏe cán bộ nhân dân trên địa bàn, tổ chức triển khai thực hiện, tổ chức công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đại Lộc và các Trạm Y tế xã (trong đó có Trạm y tế xã Đại Lộc). Tổng số các khoa, phòng, trạm y tế gồm 03 phòng, 02 khoa và 05 TYT.

Tổng số viên chức, người lao động tại Trung tâm Y tế khu vực: 36. Trong đó có trình độ chuyên môn là 35 người, cụ thể:

- Đại học và sau đại học: 29, gồm: Bác sỹ CKI: 03; Bác sỹ: 03; Thạc sỹ YTCC: 01; Dược CKI: 01; Điều dưỡng: 05; Hộ sinh: 03; Dược sỹ: 01; Kỹ thuật Y: 03; CTXH: 01; Kinh tế: 01; Kế toán: 05; Ngân hàng: 01; Tài chính: 01.

- Cao đẳng: 04, gồm: Xquang: 01; Dược: 03.

- Trung cấp: 02, gồm: Y sỹ: 01; Hộ sinh: 01.

- Cao đẳng: 38, gồm: Xquang: 01; điều dưỡng: 12; Hộ sinh 11; Dược: 11; Hộ sinh: 03.

- Trung cấp: 32, gồm: Y sỹ: 19; Điều dưỡng: 03; Dược: 02; Hộ sinh: 03; KTY: 01; Luật: 03, Sư phạm Mầm non: 01.

c) Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Về đời sống văn hóa: Lãnh đạo xã luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo các thôn tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng khu dân cư văn hóa góp phần hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thường xuyên tuyên truyền rộng rãi về 03 nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hóa, gắn với tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; thực hiện tốt các quy định về bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Toàn xã hiện có 33 thôn, trong

đó 31/33 thôn được công nhận danh hiệu thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 93,93%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa hằng năm đạt khoảng 96,5%. Công tác gia đình được chú trọng triển khai; các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện hiệu quả; duy trì các mô hình như Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

- Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư; toàn xã có 02 nhà văn hóa xã đạt chuẩn, và 33/33 thôn có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đạt tỷ lệ 100%; một số nhà văn hóa thôn đã được nâng cấp, sửa chữa, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, tổ chức vào các dịp lễ, tết, sự kiện chính trị của địa phương; duy trì 18 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường; hiện trên địa bàn xã có 18 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa (07 cơ sở karaoke, 04 in ấn, 02 cơ sở photocopy, 03 cơ sở Internet và trò chơi điện tử, 02 điểm khu vui chơi cho trẻ em); công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Công tác quản lý di tích được quan tâm; trên địa bàn xã có 11 di tích đã được xếp hạng cấp thành phố và 01 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia; việc quản lý, bảo vệ di tích cơ bản được thực hiện tốt, tuy nhiên nhân sự trực tiếp trông coi còn hạn chế.

- Trong thời gian qua, lĩnh vực thông tin ở xã Đại Lộc được quan tâm triển khai gắn với yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền; tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân. Hệ thống thông tin cơ sở từng bước được đầu tư, mở rộng theo hướng kết hợp giữa phương thức truyền thống và nền tảng số, góp phần đưa thông tin chính thống của địa phương đến người dân nhanh chóng, rộng rãi và thuận tiện hơn.

- Về hạ tầng thông tin, đến nay 100% thôn trên địa bàn xã có sóng thông tin di động; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 4G đạt 100% địa bàn; Internet di động băng rộng phủ 100% các thôn; Internet cáp quang tốc độ cao được triển khai đến 100% khu vực trung tâm xã và từng bước mở rộng đến các khu dân cư. Đặc biệt, 33/33 thôn đã được lắp đặt điểm Wi-Fi công cộng tại nhà văn hóa thôn, tạo điều kiện thuận lợi để người dân truy cập Internet, tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, học tập, trao đổi công việc, phát triển sản xuất, kinh doanh và tham gia các hoạt động trên môi trường mạng.

- Hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tiếp tục phát huy hiệu quả với 81 cụm loa IP phủ khắp các thôn, là kênh thông tin quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin chỉ đạo, điều hành của địa phương; tuyên truyền phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải cách hành chính, chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và các nhiệm vụ chính trị quan trọng đến Nhân dân.

- Bên cạnh hệ thống truyền thanh cơ sở, các kênh thông tin số của xã tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định. Trang Thông tin điện tử và Trang Zalo OA của xã thường xuyên cập nhật thông tin, trở thành kênh quan trọng trong công khai, minh bạch hoạt động chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật; phổ biến các nội dung về cải cách hành chính, chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, an toàn thông tin và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến Nhân dân.

- Các hình thức thông tin, tuyên truyền được triển khai đa dạng, kết hợp giữa hệ thống truyền thanh, Trang Thông tin điện tử, Zalo OA, bảng tin, pano, băng rôn, khẩu hiệu, hội nghị tuyên truyền, sinh hoạt thôn và các nhóm thông tin cộng đồng. Nội dung tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là các chủ trương, chính sách mới, các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án 06, xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và các phong trào thi đua yêu nước.

- Về nền tảng phục vụ công tác thông tin, 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, trường học, cơ sở y tế trên địa bàn xã được lắp đặt, sử dụng mạng Internet băng thông rộng; 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính có kết nối Internet; 100% công chức, viên chức có chữ ký số cá nhân và hộp thư điện tử công vụ. Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc được triển khai, sử dụng thống nhất; 100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử, trong đó trên 90% văn bản điện tử được ký số. Đây là điều kiện thuận lợi để công tác cung cấp, tiếp nhận, xử lý và truyền tải thông tin của chính quyền cấp xã được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, công khai, minh bạch hơn.

- Nhìn chung, lĩnh vực thông tin của xã đã có nền tảng tương đối đồng bộ, bao gồm hạ tầng viễn thông, Internet, hệ thống truyền thanh thông minh, điểm Wi-Fi công cộng tại nhà văn hóa thôn, Trang Thông tin điện tử, Zalo OA, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các phần mềm dùng chung. Những kết quả trên là cơ sở quan trọng để xã tiếp tục đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng hiện đại, chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận; nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách,

phục vụ người dân, doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, xã hội số trong giai đoạn hiện nay.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn xã tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng 50%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt khoảng 31%. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao từng bước được đầu tư; toàn xã có 03 nhà thi đấu đạt chuẩn, 05 sân vận động, sân bóng đá 11 người, 03 sân bóng đá 05 người cỏ nhân tạo; (khu trung tâm TDTT có sân bóng đá 11 người, đường birc đường chạy thi đấu thể thao cho các môn Điền kinh, Việt dã, sân khấu, phòng thay đồ, phòng đa năng, sân bóng bàn, công trình vệ sinh) 02 công viên có dụng cụ luyện tập thể dục thể thao ngoài trời; có 04 sân bóng chuyên; có 23/33 thôn được trang bị dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; hầu hết các thôn có bố trí khu vực sân chơi, bãi tập phục vụ Nhân dân. Hằng năm, xã tổ chức các giải thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, chạy việt dã; duy trì hoạt động của 13 câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng và 33 câu lạc bộ dân vũ dưỡng sinh của 33 thôn; tham gia đầy đủ các hội thao cấp trên và đạt một số thành tích. Ngoài những yếu tố cần thiết cho phát triển đời sống văn hóa tinh thần ở địa phương công tác lưu trú trên địa bàn cũng được coi trọng, trên địa bàn có 26 cơ sở lưu trú đảm bảo cho khách thập phương đến giao lưu văn hóa, thể thao có nơi nghỉ ngơi lưu trú dài hạn.

Căn cứ các tiêu chí về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trong xây dựng đơn vị hành chính cấp phường, qua đánh giá thực trạng cho thấy xã Đại Lộc cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước hết, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, có hiệu quả, với 31/33 thôn đạt 93,93% thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa và tỷ lệ hộ gia đình văn hóa 14.927/14.925 đạt 96,63%. Số Tộc họ đạt danh hiệu Tộc văn hóa 117/220, tỉ lệ đạt 97,50%; Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy thông qua hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư tương đối đồng bộ; toàn xã có 02 nhà văn hóa xã đạt chuẩn và 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, gắn với các sự kiện chính trị, lễ, tết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Trong lĩnh vực thông tin - truyền thông, hệ thống truyền thanh cơ sở được phủ sóng đến toàn bộ các thôn với mô hình truyền thanh thông minh (IP); nội dung tuyên truyền được duy trì thường xuyên, kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bước đầu đạt kết quả tích cực thông qua việc vận hành Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin đến người dân. Phong trào thể dục thể thao quần

chúng được duy trì và phát triển; các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức thường xuyên; hệ thống sân bãi, dụng cụ tập luyện từng bước được đầu tư, tạo điều kiện cho người dân tham gia rèn luyện sức khỏe.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã Đại Lộc được tổ chức thực hiện theo các chương trình, kế hoạch của địa phương và quy định của pháp luật. Lực lượng lao động trên địa bàn tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, gắn với hoạt động của các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Lao động chưa qua đào tạo: 11.252 người (28,82 %); Lao động qua đào tạo: 27.787 người (71,18%), gồm: Công nhân kỹ thuật không bằng: 12.244 người, chứng chỉ nghề dưới 3 tháng: 3.320 người, sơ cấp: 1.902 người, trung cấp: 3.050 người, Cao đẳng: 2.915 người, Đại học: 4.314 người, trên đại học: 42 người, thể hiện sự chuyển biến về chất lượng nguồn nhân lực.

Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ: Công nghiệp – xây dựng: Số lao động: 11.633 người; Tỷ lệ: 38,49%. Thương mại – dịch vụ: Số lao động: 10.975 người; Tỷ lệ: 36,31%. Nông, lâm, ngư nghiệp: Số lao động 7.619 người; Tỷ lệ: 25,21%.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, đồng thời chịu tác động của việc thu hút đầu tư và mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn.

Công tác giải quyết việc làm được triển khai thông qua việc kết nối lao động với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn và các khu vực lân cận. Người lao động tham gia làm việc tại các khu công nghiệp, các công trình xây dựng, các cơ sở dịch vụ và các hoạt động sản xuất khác, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và điều kiện của người lao động.

Công tác chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm các chế độ, chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng. Các đối tượng chính sách được quản lý, theo dõi và thực hiện chi trả chế độ theo quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai đối với các đối tượng theo quy định, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng

khác thuộc diện bảo trợ xã hội. Các chế độ trợ cấp được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn theo quy định. Người dân tham gia các loại hình bảo hiểm theo điều kiện và quy định của pháp luật, gắn với việc bảo đảm an sinh xã hội.

Các hoạt động lao động, việc làm và an sinh xã hội được tổ chức thực hiện gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương và các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và các đối tượng trên địa bàn xã Đại Lộc.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

- Về tôn giáo: Trên địa bàn có cơ sở tôn giáo thuộc 04 tôn giáo đang hoạt động gồm phật giáo, công giáo, tin lành, cao đài: Phật giáo: Có 08 cơ sở. Chức sắc 8 người, chức việc 05 người, tín đồ 1.711 người. Công giáo: Có 02 cơ sở. Chức sắc 02 người, chức việc 08 người, tín đồ khoảng 761 người. Tin Lành: Có 01 Chi hội Tin Lành; 01 Hội thánh Tin lành và 02 điểm nhóm. Chức sắc 03 người, chức việc 01 người, tín đồ 459 người. Cao Đài: Có truyền giáo Cao Đài. Chức sắc: 9, chức việc: 7. Tín đồ 428 người. Tình hình tôn giáo trên địa bàn ổn định, không phát sinh điểm nóng, không xảy ra vụ việc phức tạp; không có hoạt động tôn giáo trái pháp luật, không có trường hợp lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

- Về tín ngưỡng: Trên địa bàn có 13 cơ sở tín ngưỡng thuộc các loại hình Đình 04; Đền 01; Miếu 05. Có 01 di tích lịch sử cấp quốc gia, 01 di tích khảo cổ học cấp tỉnh và 10 di tích lịch sử cấp tỉnh. Hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn xã chủ yếu là cầu an, cầu mùa, cầu mưa thuận gió hòa, cầu cho quốc thái dân an, lễ giỗ các vị thần, tổ tiên, vía bà tại các miếu, đền. Nhìn chung, các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn xã đều thực hiện việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng theo quy định. Đối với các hoạt động tín ngưỡng phát sinh đều có đăng ký bằng văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc tổ chức các hoạt động tín ngưỡng luôn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục của địa phương, góp phần giữ vững truyền thống và bản sắc văn hóa của dân tộc.

- Về Dân tộc: Trên địa bàn xã Đại Lộc hiện nay không có hộ đồng bào dân tộc thiểu số, chỉ có một vài nhân khẩu tạm trú trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn

giáo được thực hiện thường xuyên; qua đó nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân và các tổ chức tôn giáo. Chính quyền địa phương duy trì công tác theo dõi, nắm bắt tình hình; tổ chức kiểm tra định kỳ; hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động tôn giáo đúng quy định. Mọi quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo được duy trì tốt, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được duy trì thường xuyên; chính quyền địa phương chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời hướng dẫn và giải quyết các vấn đề phát sinh. Trên địa bàn không xảy ra điểm nóng, không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo; không có hoạt động lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Đại Lộc cơ bản phát triển ổn định, phân bố tương đối tập trung dọc theo các tuyến giao thông chính như QL14B, ĐT609, ĐT609B, ĐT609C và các tuyến giao thông nội bộ như đường Huỳnh Ngọc Huệ, Phạm Văn Đồng, Huỳnh Thúc Kháng..., tại các khu dân cư đã được đầu tư xây dựng và bố trí nhà ở theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, khu trung tâm hành chính và các khu dân cư hiện hữu. Dân cư trên địa bàn được hình thành từ việc hợp nhất 05 đơn vị hành chính gồm thị trấn Ái Nghĩa và các xã Đại Hiệp, Đại Hòa, Đại An, Đại Nghĩa trước đây. Trong đó, khu vực thị trấn Ái Nghĩa, Đại Hiệp và Đại Nghĩa là nơi tập trung dân cư đông đúc, mật độ xây dựng cao; loại hình nhà ở chủ yếu là nhà phố kết hợp thương mại, dịch vụ.

Loại hình nhà ở trên địa bàn khá đa dạng. Nhà ở đô thị và nhà phố thương mại chủ yếu có quy mô từ 1 đến 5 tầng, mật độ xây dựng cao; khoảng lùi công trình, chiều cao tầng và hình thức kiến trúc đồng nhất, mái sử dụng vật liệu ngói, tôn hoặc bê tông cốt thép. Nhà ở vườn, biệt thự có quy mô lô đất lớn, diện tích từ khoảng 250 m² trở lên, phát triển trong những năm gần đây với kiến trúc hiện đại, tầng cao từ 2 đến 3 tầng, mật độ xây dựng khoảng 60%. Ngoài ra, còn có loại hình nhà ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, gắn với đất vườn phục vụ chăn nuôi, trồng trọt; kiến trúc mang đặc trưng truyền thống Trung Bộ với nhà 2–3 gian, mái ngói hoặc mái tôn, tường xây gạch, tập trung chủ yếu tại các khu vực ven các tuyến đường bê tông nông thôn.

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã hiện có 15.169 nhà; trong đó nhà kiên cố và bán kiên cố là 15.029 nhà, chiếm tỷ lệ 99,08%, cho thấy chất lượng nhà ở trên địa bàn tương đối cao và phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Cùng với quá trình

phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhiều hộ dân đã đầu tư cải tạo, xây mới nhà ở theo hướng hiện đại, góp phần nâng cao diện mạo kiến trúc đô thị và nông thôn trên địa bàn. Hệ thống khu dân cư từng bước được đầu tư tương đối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, thông tin liên lạc và cây xanh. Các khu dân cư hiện hữu cơ bản đáp ứng nhu cầu ở của nhân dân; một số khu vực có tốc độ phát triển dân cư nhanh, từng bước hình thành các cụm dân cư mang tính chất đô thị.

Tuy nhiên, tại một số khu vực vùng ven thuộc Đại Hòa và Đại An trước đây, việc phát triển nhà ở chủ yếu là nhà vườn gắn với đất ở và đất sản xuất. Nhìn chung, hiện trạng nhà ở và hệ thống khu dân cư của xã Đại Lộc cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thành lập phường trong thời gian tới.

Hình 1. Các loại hình nhà ở trên địa bàn xã



b) Công trình cơ quan hành chính: hiện nay xã Đại Lộc có 06 công trình trụ sở:

- + Công trình trụ sở HĐND-UBND xã: 01
- + Công trình trụ sở Đảng ủy xã: 01
- + Công trình trụ sở mặt trận, đoàn thể xã: 01
- + Công trình trụ sở Trung tâm dịch vụ cung ứng sự nghiệp công xã: 01 trụ sở làm việc, 01 thư viện.
- + Công trình trụ sở Trung tâm hành chính công xã: 01

c) Công trình giáo dục:

Trên địa bàn xã có hệ thống công trình giáo dục tương đối đồng bộ, gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn. Các trường học được phân bố hợp lý theo khu dân cư, có vị trí ổn định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển đô thị.

Bảng 4. Hệ thống các công trình giáo dục trên địa bàn

TT	Tên trường	Tổng số điểm trường	Diện tích	Kiểm định chất lượng giáo dục	Đạt chuẩn quốc gia
			(m2)		
A	Mầm non				
1	Trường mẫu giáo Đại Nghĩa	2	4999	Mức 3	2
2	Trường mầm non Ái Nghĩa	1	5474	Mức 3	2
3	Trường Mầm non Bình Minh	2	3143	Mức 3	2
4	Trường Mầm non Đại Hiệp	1	3401	Mức 3	1
5	Trường Mầm non Đại Hoà	2	6177	Mức 3	2
6	Trường Mầm non Đại An	2	5915	Mức 3	2
B	Tiểu học				2
1	Trường TH Trương Hoành	1	7400	Mức 3	2
2	Trường TH Đoàn Nghiên	1	6886	Mức 3	2
3	Trường TH Nguyễn Đức Thiệu	1	6800	Mức 3	2
4	Trường TH Hứa Tạo	1	60141	Mức 3	2
5	Trường TH Lê Thị Xuyên	2	12978	Mức 3	2

6	Trường TH Nguyễn Công Sáu	2	14829	Mức 3	2
7	Trường TH Nguyễn Ngọc Bình	1	13502	Mức 3	2
C	Trung học cơ sở				2
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	12327	Mức 3	2
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1	8576	Mức 3	2
3	Trường THCS Mỹ Hoà	1	10761	Mức 3	2
4	Trường THCS Trần Phú	1	9975	Mức 3	2

d) Công trình y tế:

Hiện nay xã Đại Lộc có 05 công trình trụ sở trên địa bàn, cụ thể như sau: trạm y tế xã Đại Hòa, trạm y tế xã Đại An, trạm y tế xã Đại Nghĩa, trạm y tế xã Đại Hiệp và trạm y tế thị trấn Ái Nghĩa.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao:

- Công trình nhà văn hóa thôn: 55 cơ sở, cụ thể như sau:

- + Xã Đại Hòa (cũ): 11
- + Xã Đại An (cũ): 10
- + Xã Đại Nghĩa (cũ): 13
- + Xã Đại Hiệp (cũ): 07
- + Thị trấn Ái Nghĩa (cũ): 14

- Công trình sân vận động thể dục- thể thao: 05, cụ thể:

- + Xã Đại Hòa (cũ): 01
- + Xã Đại An (cũ): 01
- + Xã Đại Nghĩa (cũ): 02
- + Cã Đại Hiệp (cũ): 01

- Trung tâm văn hóa các xã: 05, cụ thể:

- + Xã Đại Hòa (cũ): 01

- + Xã Đại An (cũ): 01
- + Xã Đại Nghĩa (cũ): 01
- + Xã Đại Hiệp (cũ): 01
- + Thị trấn Ái Nghĩa (cũ): 01

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch: có 05 công trình chợ, cụ thể:

Hiện nay, trên địa bàn xã có 5 chợ hoạt động theo địa bàn của 5 xã cũ (chợ Quảng Huế - xã Đại An, Chợ Đại Hiệp - xã Đại Hiệp, Chợ Hòa Mỹ - xã Đại Nghĩa, Chợ Ái Nghĩa và chợ chiều ngã tư – thuộc Thị Trấn Ái Nghĩa cũ), có 9 siêu thị mini tư nhân đang hoạt động các lĩnh vực (nội thất, kinh doanh hàng tạp hóa, kinh doanh tổng hợp...).

Hình 2. Một số công trình chợ, siêu thị mini



Chợ Ái Nghĩa



Siêu thị mini

Có trên 50 cửa hàng lớn (kinh doanh tạp hóa, điện tử, kinh doanh điện gia dụng, đồ dùng gia dụng phục vụ cho gia đình....).

Hình 3. Các cửa hàng lớn trên địa bàn xã



8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

*** Giao thông đối ngoại**

- Tuyến đường QL14B (đoạn từ ranh giới xã Hòa Tiến tại Km32+126 đến giáp xã Hà Nha tại Km40+030): Dài 7,904 km nằm phía Bắc trung tâm xã, là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng kết nối khu vực. Hiện trạng tuyến có mặt đường bê tông nhựa rộng 8m, hệ thống thoát nước bằng mương hở bố trí hai bên tuyến. Theo định hướng quy hoạch, tuyến có lộ giới 55,0m, gồm mặt đường chính rộng 21,0m (2x10,5m), dải phân cách giữa rộng 3,0m, hành lang an toàn giao thông hai bên rộng 17,0m (2x8,5m), đường gom hai bên rộng 12,0m (2x6m) và vỉa hè dọc đường gom rộng 2,0m (2x1m). Hiện nay, UBND thành phố đang triển khai lập hồ sơ chủ trương đầu tư để từng bước đầu tư, mở rộng tuyến đường theo quy hoạch được duyệt.

Hình 4: Đường Quốc lộ 14B



- Tuyến đường DT609 (đoạn từ ranh giới xã Điện Bàn Tây tại Km13+770 đến giáp xã Hà Nha tại Km20+260): Dài 6,49km là tuyến giao thông chính đi qua trung tâm xã, giữ vai trò kết nối các khu vực trong và ngoài địa bàn. Hiện trạng tuyến được đầu tư tương đối đồng bộ, gồm 02 đoạn như sau:

+ Đoạn từ Km13+770 đến Km16+270 (đường Hùng Vương): mặt đường bê tông nhựa, lộ giới 27,0m, gồm mặt đường chính rộng 15,0m (2x7,5m), dải phân cách giữa rộng 2,0m và vỉa hè hai bên rộng 10,0m (2x5m).

+ Đoạn từ Km16+270 đến Km20+260 (đường Nguyễn Tất Thành): mặt đường bê tông xi măng phủ lớp bê tông nhựa rộng 8,0m; hệ thống thoát nước bằng mương hợp bố trí hai bên tuyến với tổng chiều rộng khoảng 2,0m (2x1,0m). Theo định hướng quy hoạch đã được duyệt lộ giới 27m, mặt đường rộng 15m, vỉa hè mỗi bên 6m.

Hình 5. Các tuyến đường ĐT 609

- Tuyến đường ĐT609B (đoạn từ Ngã ba Đại Hiệp tại Km0+000 đến cầu Giao Thủy, giáp xã Thu Bồn tại Km10+400): Dài 10,4 km là tuyến giao thông chính đi qua trung tâm xã, giữ vai trò kết nối các khu vực trong và ngoài địa bàn. Hiện trạng tuyến được đầu tư tương đối đồng bộ, gồm 03 đoạn như sau:

+ Đoạn từ Km0+000 đến Km6+500 (Ngã tư Ái Nghĩa): là tuyến đường Võ Chí Công và Quang Trung, có mặt đường bê tông xi măng và bê tông nhựa rộng khoảng 9,0m; hệ thống thoát nước bằng mương hộp và vỉa hè hai bên rộng từ 3,0m đến 5,0m. Theo định hướng quy hoạch được duyệt, đoạn từ cầu Hòa Đông đến Công ty Thái Liên được quy hoạch với lộ giới 35,0m, gồm mặt đường rộng 21,0m, dải phân cách giữa rộng 2,0m và vỉa hè hai bên rộng 12,0m. Các đoạn còn lại của tuyến có lộ giới 27,0m, gồm mặt đường rộng 15,0m và vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m.

+ Đoạn từ Km6+500 (Ngã tư Ái Nghĩa) đến Km7+750 (giáp Kênh Thủy): là tuyến đường Đỗ Đăng Tuyển, có mặt đường bê tông xi măng rộng 10,5m; vỉa hè hai bên rộng 6,0m (2x3,0m). Theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt, tuyến có lộ giới 27,0m, gồm mặt đường rộng 15,0m và vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m.

+ Đoạn từ Km7+750 (giáp Kênh Thủy Lợi) đến cầu Giao Thủy (giáp xã Thu Bồn tại Km10+400): Mặt đường bê tông xi măng rộng 8,0m; lề đường hai bên rộng khoảng 2,0m (2x1,0m). Theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt, tuyến có lộ giới 27,0m, gồm mặt đường rộng 15,0m và vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m.

Hình 6. Các tuyến đường DT 609B

- Tuyến đường ĐT609C (đoạn từ Ngã ba Honda Trường Đạt tại Km0+000 đến cầu Quảng Huế tại Km2+300): Dài 2,3 km là tuyến giao thông chính kết nối các khu vực trong và ngoài địa bàn xã. Hiện trạng tuyến có mặt đường bê tông xi măng rộng 8,0m, lề đường hai bên rộng khoảng 2,0m (2x1,0m), cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu thông của người dân trong khu vực. Hiện nay, UBND thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Vân Ly đi xã Điện Bàn Tây và khu vực Gò Nổi, đấu nối với xã Đại Lộc tại khu vực Ngã ba Trường Đạt, giao với điểm đầu tuyến ĐT609C và ĐT609B, góp phần tăng cường liên kết giao thông vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hình 7. Tuyến đường DT 609 C

*** Giao thông nội bộ**

- Tuyến Huỳnh Ngọc Huệ (ĐH1): Từ ngã tư Hòa Đông/ĐT609B đến Ngã 3 ba Ái Nghĩa/ĐT609: Dài 1,58 km là tuyến giao thông trung tâm của xã, giữ vai trò kết nối các khu dân cư, cơ quan hành chính và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực. Hiện trạng tuyến có kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Trong đó, đoạn đã đầu tư hoàn chỉnh có mặt cắt ngang rộng 16,5m, gồm mặt đường rộng 10,5m và vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m; các đoạn còn lại hiện trạng có mặt cắt ngang rộng từ 6,0m đến 8,0m. Hiện nay, UBND xã đang triển khai đầu tư mở rộng các đoạn còn lại theo quy hoạch với mặt cắt ngang 16,5m (mặt đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m)

Hình 8. Đường Huỳnh Ngọc Huệ (ĐH1.ĐL)



- Tuyến ĐH2: Từ Ngã tư Hòa Đông (ĐT609B) đến giáp QL14B tại Km37+600, có chiều dài 1,888km. Hiện trạng tuyến có kết cấu mặt đường bê tông xi măng rộng 6,5m, lề đường hai bên rộng khoảng 2,0m (2x1,0m). Theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt, tuyến có lộ giới 27,0m, gồm mặt đường rộng 15,0m và vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m.

Hình 9. Đường ĐH2.ĐL

- Tuyến ĐH3: đoạn từ Ngã ba Quảng Huế đến giáp tuyến ĐH11 xã Điện Bàn Tây, có chiều dài qua địa bàn xã 3,5km. Hiện trạng tuyến có mặt đường xâm nhập nhựa rộng 5,0m; hệ thống thoát nước bằng mương hộp bố trí hai bên với tổng chiều rộng khoảng 2,0m (2x1,0m) và lề đường hai bên rộng khoảng 1,5m (2x0,75m).

Hình 10. Đường ĐH3.ĐL

Ngoài ra, các tuyến giao thông khu vực trung tâm xã với tổng chiều dài 9,54km đã được đầu tư theo tiêu chuẩn đường đô thị, có kết cấu mặt đường rộng từ 5,5m đến 10,5m và vỉa hè hai bên rộng từ 3,0m đến 6,0m, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và thành lập phường trong thời gian đến.

Hình 11. Các tuyến đường trung tâm xã

*** Giao thông nông thôn**

- Hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn xã cơ bản được đầu tư đồng bộ, với bề rộng mặt đường từ 3,0m đến 7,0m; hầu hết các tuyến đã được cứng hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng chiều dài mạng lưới giao thông gồm: đường xã khoảng 62,0km, đường thôn khoảng 122,13km, đường ngõ xóm khoảng 21,04km và đường giao thông nội đồng khoảng 78,29km. Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn tương đối hoàn thiện, các tuyến đường được duy tu, bảo trì thường xuyên và từng bước đầu tư đồng bộ các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm kết nối thuận lợi, an toàn cho nhu cầu sinh hoạt, đi lại và sản xuất của người dân.”

- Bến xe: Trên địa bàn xã hiện có Bến xe khách Đại Lộc nằm trên tuyến ĐT609, được đầu tư đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV. Bến xe có chức năng phục vụ vận tải hành khách, tổ chức đón trả khách, điều phối phương tiện vận tải liên tỉnh và nội vùng, góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và tăng cường khả năng kết nối giao thông giữa địa phương với các khu vực lân cận

b) Thủy lợi

Trên địa bàn xã hiện có 02 công trình thủy lợi chính gồm Đập Trà Càn và Đập Mười Tấn, do Hợp tác xã Nông nghiệp Đại Hiệp và HTX Đại Nghĩa trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hai công trình này đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết nguồn nước tưới tiêu, đảm bảo phục vụ ổn định cho diện tích canh tác lúa và hoa màu trên địa bàn, đặc biệt trong các vụ sản xuất chính. Bên cạnh đó, hệ thống kênh mương thủy

lợi nội đồng tiếp tục được duy tu, nạo vét và kiên cố hóa từng bước, góp phần nâng cao hiệu quả dẫn nước, hạn chế thất thoát và chủ động nguồn nước tưới tiêu.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi trên địa bàn ngày càng được củng cố, đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất nông nghiệp và góp phần ổn định đời sống, phát triển kinh tế của người dân địa phương.

c) Cấp điện

Tình hình sử dụng điện trên địa bàn đảm bảo 100% các hộ dân có điện sử dụng và đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng..... Cùng với đó, hệ thống điện tương đối ổn định đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Đối với hệ thống điện trong nhà cơ bản đảm bảo mỗi hộ gia đình đều có bảng điện, cầu chì/aptomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường hoặc khung nhà, đảm bảo cách điện; dây điện sử dụng loại có vỏ cách điện, dây điện được cố định trên tường hoặc khung nhà, đảm bảo an toàn cho việc đi lại và sinh hoạt của nhân dân.

Đối với yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Cột, xà, đường dây trung thế, hạ thế, trạm biến áp phụ tải (148 trạm) được đầu tư xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bảo đảm cung cấp điện thường xuyên liên tục và an toàn.

d) Cấp nước

Hiện nay, trên địa bàn có 02 công trình cấp nước tập trung, gồm: Trạm cấp nước thôn Nghĩa Tây có công suất thiết kế 100m³/ngày đêm và Nhà máy nước Ái Nghĩa có công suất thiết kế 5.000m³/ngày đêm. Công suất hoạt động của 02 công trình cấp nước đã khai thác đạt 100% công suất thiết kế và định hướng nâng cấp Nhà máy nước Ái Nghĩa lên 10.000m³/ngày đêm (giai đoạn đến năm 2030). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 85%. Đối với khu vực trên địa bàn xã chưa được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung, người dân sử dụng nước giếng kết hợp bể lọc để sinh hoạt, đảm bảo hợp vệ sinh, an toàn khi sử dụng.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Đại Lộc từng bước được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu thoát nước tại khu vực trung tâm và một số khu dân cư tập trung. Hiện nay, trên địa bàn đã hình thành mạng lưới mương, cống thoát nước dọc theo các tuyến giao thông chính và khu dân cư hiện hữu, góp phần hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị.

Theo hiện trạng quản lý hạ tầng kỹ thuật, địa phương hiện quản lý hệ thống mương thoát nước tương đối lớn với tổng chiều dài hàng chục kilômét, phân bố trên nhiều tuyến giao thông và khu dân cư trên địa bàn; trong đó có khoảng 30 tuyến mương thoát nước tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm Ái Nghĩa và dọc các tuyến giao thông chính như đường Đỗ Đăng Tuyển, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Tổng, Phạm Văn Đồng, Huỳnh Ngọc Huệ và tuyến ĐT609 (Hùng Vương). Một số tuyến mương thoát nước bản, tuyến dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải đã được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ tại khu vực trung tâm đô thị.

Trên địa bàn xã có 01 Trạm xử lý nước thải tại khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa với công suất 450 m³/ngày đêm. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 30%; Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 3,25km/km². Các khu vực còn lại, nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại tại hộ gia đình, sau đó tự thấm thấu qua môi trường tự nhiên.

Cùng với quá trình đô thị hóa và gia tăng dân số, nhu cầu đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung ngày càng lớn. Địa phương đang từng bước rà soát, đầu tư nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị, ưu tiên các khu vực trung tâm, khu dân cư tập trung, các tuyến giao thông chính và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trong thời gian tới nhằm từng bước hoàn thiện hạ tầng môi trường theo tiêu chuẩn đô thị.

Đối với công tác vệ sinh môi trường, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được duy trì tương đối ổn định. Hiện nay, chất thải rắn sinh hoạt được Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam tổ chức thu gom trực tiếp tại các hộ dân, tỷ lệ thu gom đạt khoảng 100% theo báo cáo của đơn vị thu gom. Công tác thu gom, vận chuyển rác thải cơ bản đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm và các khu dân cư trên địa bàn.

Công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan và đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu công cộng, tuyến đường chính, khu dân cư và khu vực trung tâm được địa phương quan tâm triển khai thường xuyên. Hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt từng bước được nâng cao, góp phần cải thiện môi trường sống và xây dựng cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống thoát nước và hạ tầng môi trường trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế như tỷ lệ nước thải được xử lý tập trung còn thấp; hệ thống thoát nước tại một số khu vực chưa đồng bộ; nguy cơ ô nhiễm môi trường từ nước thải sinh hoạt và áp lực xử lý chất thải ngày càng gia

tăng trong quá trình đô thị hóa. Do đó, việc tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và nâng cao chất lượng hạ tầng môi trường là yêu cầu cần thiết nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển đô thị bền vững của Đại Lộ trong thời gian tới.

Ngoài ra, trên địa bàn xã đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng và nghĩa trang Đại Hiệp với diện tích 20,01ha và dự kiến đưa dự án vào hoạt động vào năm 2028. Dự án được duyệt được thiết kế theo hướng hiện đại trong đó có nhà hỏa táng, nhà tang lễ,... Khi Dự án đi vào hoạt động giải quyết tốt nhu cầu an táng, và nhất thực hiện tốt về môi trường

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được chú trọng triển khai đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của một đơn vị hành chính mới sau sáp nhập:

a) Quốc phòng

- Địa phương duy trì nghiêm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương với trọng tâm là xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc:

- Xây dựng lực lượng: Lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV) và Dự bị động viên được xây dựng theo hướng "vững mạnh, rộng khắp", với quân số hợp lý và tổ chức biên chế tinh gọn.

- Tuyển quân: Luôn hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm.

- Sẵn sàng chiến đấu: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức huấn luyện dân quân đúng kế hoạch và phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an để giữ vững an ninh chính trị.

- Bồi dưỡng kiến thức: Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng trên địa bàn.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác an ninh được thực hiện quyết liệt để tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế – xã hội:

- Phòng chống tội phạm: Lực lượng Công an xã phát huy vai trò nòng cốt trong đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt là thực hiện phong trào “Toàn dân chung tay xây dựng xã không ma túy”, phấn đấu trở thành xã không ma túy vào năm 2028.

- Mô hình an ninh: Triển khai hiệu quả các mô hình tự quản như: "Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy", "Camera an ninh", "Tiếng loa an ninh" để giám sát và phòng ngừa tội phạm từ sớm.

- Trật tự an toàn giao thông & Đô thị: Thường xuyên thực hiện các đợt ra quân lập lại trật tự vỉa hè, mỹ quan đô thị và đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến quốc lộ qua địa bàn.

- An ninh mạng: Phối hợp bảo vệ an toàn thông tin và an ninh mạng trong lộ trình xây dựng chính quyền số tại địa phương.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Đại Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Toàn Đảng bộ có 62 tổ chức đảng trực thuộc với tổng 2.048 đảng viên, trong đó: 36 chi bộ trực thuộc (gồm 33 chi bộ thôn và 03 chi bộ HTX) với tổng số 1.321 đảng viên. 26 chi, đảng bộ ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (trong đó có 3 đảng bộ cơ sở và 23 chi bộ cơ sở), với 727 đảng viên.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 26 đồng chí, hiện đang khuyết 01 so với cơ cấu. Ban Thường vụ Đảng ủy xã có 09 đồng chí.

Đảng ủy xã có 03 cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy gồm: Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy và Trung tâm chính trị với số lượng biên chế hiện có là 22 người.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

HĐND xã Đại Lộc có 01 Chủ tịch HĐND xã là Bí thư Đảng ủy xã (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, 01 Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã, 01 Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách là Trưởng Ban Xây dựng Đảng; mỗi Ban có 01 Phó Ban kiêm nhiệm, 01 Phó Ban chuyên trách, 3 ủy viên. Số lượng đại biểu HDND xã là 26 đại biểu.

Ủy ban nhân dân xã gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân. Hiện UBND xã Đại Lộc có 03 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính, 18 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Với tổng số cán bộ, công chức hiện có là 53 người và viên chức là 597 người..

Các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được bố trí theo cơ cấu tổ chức, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, tài chính, địa chính - xây dựng, văn hóa - xã

hội và các lĩnh vực khác. Các bộ phận này thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại bộ phận một cửa theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể: gồm cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và 05 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn).

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã gồm 1 Chủ tịch và 5 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đồng thời là Chủ tịch phụ nữ, hội nông dân, cựu chiến binh và đoàn Thanh niên, Công đoàn. Cán bộ công chức là 10 người.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Trung tâm bồi dưỡng chính trị: hiện có 32/34 biên chế và 04 hợp đồng lao động vị trí hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

UBND xã, HĐND xã và các phòng ban chuyên môn thuộc UBND xã hiện có: 53/55 biên chế công chức và 04 hợp đồng lao động vị trí hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay cơ bản bảo đảm theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm.

Trong thời gian qua, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ được triển khai đồng bộ, gắn chặt với quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cấp ủy giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp trong công tác cán bộ, bảo đảm đúng quy định, quy trình. Việc tổ chức thực hiện các quy định về công tác cán bộ được triển khai đồng bộ, bảo đảm sự liên thông, thống nhất giữa các khâu như: quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Nguyên tắc tập trung dân chủ được thực

hiện nghiêm; kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ được tăng cường, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở đối chiếu các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với tình hình thực tế của xã Đại Lộc, có thể thấy các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập phường cơ bản được bảo đảm theo quy định.

Về quy mô dân số, xã Đại Lộc hiện có dân số đạt trên mức cao hơn quy định đối với đơn vị hành chính phường. Quy mô dân số được hình thành trên cơ sở dân cư tại chỗ và dân cư cơ học do quá trình phát triển công nghiệp và thu hút lao động, phân bố tại các khu vực dân cư, khu vực trung tâm và khu vực gắn với các trục giao thông chính. Dân số trên địa bàn có xu hướng tăng theo định hướng quy hoạch phát triển đô thị, bảo đảm yêu cầu về quy mô dân số của đơn vị hành chính phường.

Về diện tích tự nhiên, xã Đại Lộc có diện tích lớn hơn nhiều so với mức tối thiểu theo quy định. Diện tích tự nhiên được phân bố trên không gian rộng, bao gồm các khu vực dân cư, khu sản xuất, khu công nghiệp và các khu vực phát triển theo quy hoạch. Địa bàn xã nằm trong phạm vi quy hoạch 2 đô thị mới, Thị trấn Ái Nghĩa và xã Đại Hiệp cũ, là cơ sở để tổ chức không gian phát triển đô thị và tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường.

Về vị trí, chức năng, khu vực Đại Lộc được xác định trong quy hoạch là khu vực phát triển đô thị, gắn với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Trên địa bàn đã hình thành các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được bố trí trên địa bàn, phục vụ nhu cầu của người dân và các hoạt động kinh tế.

Về tỷ lệ dân số đô thị, tỷ lệ dân số đô thị trên địa bàn xã Đại Lộc đạt mức cao so với quy định, được hình thành từ các khu vực dân cư tập trung, khu vực trung tâm thị trấn Ái Nghĩa trước đây và các khu vực gắn với hoạt động công nghiệp, dịch vụ. Quá trình phát triển dân cư gắn với các khu công nghiệp và các khu vực phát triển theo quy hoạch góp phần làm tăng tỷ lệ dân số đô thị trên địa bàn. Về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế của xã Đại Lộc có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Hoạt động sản xuất công nghiệp được tổ chức tại 8 cụm công nghiệp trên địa bàn; các hoạt động thương mại - dịch vụ

được hình thành và phát triển tại các khu dân cư và các tuyến giao thông. Thu nhập của người dân được hình thành từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; các chính sách an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn được hình thành, bao gồm hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, công trình giáo dục, y tế, văn hóa và các công trình phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân. Các công trình này được bố trí trên địa bàn, phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, xã Đại Lộc cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn thành lập phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, bảo đảm điều kiện để tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên.

Quy mô dân số của xã Đại Lộc là 62.684 người vượt 298,5% so với tiêu chuẩn quy định về quy mô dân số đối với việc thành lập phường.

Đánh giá: Đạt

2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên.

Xã Đại Lộc có diện tích tự nhiên là 73,97 km² vượt 1.334% so với tiêu chuẩn quy định về diện tích tự nhiên đối với việc thành lập phường.

Đánh giá: Đạt.

3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố.

Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố.

- Tại điểm a, khoản 3, mục III, Điều 1 Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Đại Lộc được xác định:

+ Cụm động lực (Điện Bàn - Hội An - Đại Lộc): Là cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh, kết nối với các không gian kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Hình thành chuỗi đô thị ven sông, ven biển thông qua các tuyến đường bộ và hệ thống sông Vu Gia, Thu Bồn, Cổ Cò; phát triển hành lang du lịch dựa trên tuyến giao thông đường thủy; Điều chỉnh các cụm công nghiệp trên trục quốc lộ 14B huyện Đại Lộc (cũ) theo hướng kết nối, mở rộng thành các khu công nghiệp với hạ tầng đồng bộ, môi trường đảm bảo.

+ Ba hành lang phát triển gồm: Hành lang dọc quốc lộ 14B và quốc lộ 14E nối lên quốc lộ 14D đến Cửa khẩu quốc tế Nam Giang: Là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và Nam Lào - Bắc Campuchia.

- Tại khoản 2, mục VIII, Điều 1 Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Đại Lộc được xác định: Vùng huyện Đại Lộc (cũ) là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Quảng Nam, tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng, có vai trò quan trọng trong sự kết nối kinh tế Trung Trung Bộ với Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp.

Đánh giá: Đạt

4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính từ 50% trở lên.

Quy mô dân số của xã là 62.684 người. Quy mô dân số đô thị của xã là 32.645 người.

Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 52,08% .

Đánh giá: Đạt

5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên.

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã: 393.266 triệu đồng. Tổng chi ngân sách xã năm 2025: 393.266 triệu đồng. Tổng thu ngân sách xã so với tổng chi ngân sách xã: 393.266 triệu đồng/ 393.266 triệu đồng, đạt 100%.

Đánh giá: Đạt

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên

Theo số liệu thống kê, trong năm 2025 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt 80,50% trong cơ cấu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã.

Đánh giá: Đạt

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên

Số lượng lao động: 30.227 người. Lao động phi nông nghiệp: 22.608 người

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: 74,79 %

Đánh giá: Đạt

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh, thành phố mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất

- Năm 2023: Thu nhập bình quân đầu người của xã/tỉnh Quảng Nam: 62,6/45,8 triệu đồng

- Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người của xã/ tỉnh Quảng Nam: 63,8/53,6 triệu đồng

- Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của xã/thành phố Đà Nẵng: 66,91/66,4 triệu đồng

Đánh giá: Đạt

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh, thành phố mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất.

- Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,52% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của thành phố: 3,77%.

- Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,45% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của thành phố : 3,07%

- Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,45% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn thành phố Đà Nẵng): 2,48%.

Đánh giá: Đạt

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC
THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị hành chính; trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn thành lập phường của xã Đại Lộc Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15; đồng thời bám sát định hướng quy hoạch phát triển đô thị và yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn, việc xây dựng phương án thành lập phường Đại Lộc là cần thiết nhằm tổ chức lại đơn vị hành chính phù hợp với quá trình đô thị hóa, bảo đảm yêu cầu quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thành lập phường Đại Lộc thuộc thành phố Đà Nẵng trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên **73,97 km²** và quy mô dân số **62.684** người của xã Đại Lộc.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Đại Lộc.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Đại Lộc với 33 thôn thuộc xã sẽ được chuyển thành 33 tổ dân phố thuộc phường mới.

Việc thành lập phường Đại Lộc trên cơ sở nguyên trạng xã Đại Lộc bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của thành phố Đà Nẵng.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Việc thành lập phường Đại Lộc thuộc thành phố Đà Nẵng (trên cơ sở chuyển đổi nguyên trạng xã Đại Lộc) mang lại những kết quả đột phá, thay đổi hoàn toàn diện mạo và chất lượng sống của khu vực phía Tây Nam thành phố và những kết quả trọng tâm sau:

1. Thay đổi vị thế chính trị và Quản lý hành chính

- Chuyển đổi mô hình quản lý: Từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị. Bộ máy hành chính được tinh gọn, hiện đại hóa với việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý dân cư và hạ tầng.

- Tăng cường quyền hạn: Phường có cơ chế chủ động hơn trong việc quản lý quy hoạch, trật tự đô thị và đầu tư công, phù hợp với quy mô của một phường hơn 62.684 dân.

2. Bứt phá về Cơ cấu kinh tế và Lao động

- Kinh tế phi nông nghiệp chiếm ưu thế tuyệt đối: Tỷ trọng Công nghiệp - Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ đạt trên 95%. Nông nghiệp chỉ còn giữ lại các mô hình đô thị sinh thái, công nghệ cao chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

- Chuyển dịch lao động triệt để: Lao động nông nghiệp được đào tạo nghề để chuyển sang làm việc tại các cụm công nghiệp địa phương hoặc kinh doanh dịch vụ, nâng cao thu nhập bình quân đầu người đáng kể so với thời kỳ xã.

3. Hạ tầng đô thị đồng bộ và Hiện đại

- Tiêu chuẩn "Phường kiểu mẫu": Hệ thống giao thông được thảm nhựa 100%, có vỉa hè, cây xanh và chiếu sáng đồng bộ. Các tuyến quốc lộ và đường trục chính trở thành các đại lộ thương mại sầm uất.

- Tiện ích công cộng: Nâng cấp và xây mới các cơ sở y tế đạt chuẩn đô thị, hệ thống trường học liên cấp chất lượng cao, công viên và không gian công cộng đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của cư dân đô thị.

- Môi trường: Hệ thống thu gom rác thải, xử lý nước thải và thoát nước được đầu tư bài bản, khắc phục triệt để các vấn đề ô nhiễm tại các cụm công nghiệp.

4. Nâng cao đời sống văn hóa - xã hội

- Chất lượng sống: Người dân được tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế và văn hóa theo tiêu chuẩn đô thị của một thành phố trực thuộc Trung ương.

- An sinh xã hội: Các chính sách về việc làm, giảm nghèo bền vững và chăm sóc người có công được thực hiện tốt hơn nhờ nguồn thu ngân sách đô thị dồi dào.

5. Quốc phòng - An ninh được thắt chặt

- An ninh trật tự: Xây dựng lực lượng Công an phường chính quy, hiện đại. Hệ thống "Đô thị thông minh" với camera giám sát toàn diện giúp kéo giảm tội phạm và quản lý trật tự giao thông hiệu quả hơn.

- Trật tự đô thị: Hình thành nếp sống văn minh đô thị, chấm dứt tình trạng lấn chiếm lòng lề đường, xây dựng trái phép.

Tóm lại: Việc lên Phường không chỉ là sự thay đổi về tên gọi mà là một cuộc "cách mạng" về chất, biến Đại Lộc trở thành động lực tăng trưởng mới cho

phía Tây Nam Đà Nẵng, kết nối chặt chẽ giữa vùng lõi đô thị và các khu vực vệ tinh.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG SAU KHI THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Kinh tế - xã hội

a) Tích cực

Việc xã Đại Lộc được chuyển đổi thành phường thuộc thành phố Đà Nẵng sẽ tạo ra nhiều tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mở ra cơ hội thúc đẩy đô thị hóa, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và tăng cường khả năng thu hút đầu tư trong giai đoạn mới.

Sau khi thành lập phường, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sẽ có điều kiện được quan tâm đầu tư đồng bộ hơn, đặc biệt là các lĩnh vực giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, chỉnh trang đô thị, công viên cây xanh, trường học, cơ sở y tế và các thiết chế văn hóa. Điều này góp phần nâng cao diện mạo đô thị, cải thiện môi trường sống và đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Cùng với đó, cơ cấu kinh tế của địa phương sẽ tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị của thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được nâng cao; thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm; chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội ngày càng được cải thiện. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực sẽ từng bước được hiện đại hóa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị, góp phần xây dựng chính quyền gần dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Việc thành lập phường cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển đô thị văn minh, hiện đại; Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; chuyển đổi nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, giúp giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ, đồng thời thu hút đầu tư (FDI, trong nước), tạo việc làm (đặc biệt là lao động có chuyên môn cao), tạo thị trường tiêu thụ có sức mua cao, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, nâng cao đời

sống vật chất và tinh thần cho người dân. Đồng thời nâng cao vị thế, vai trò của địa phương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

b) Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thuận lợi, quá trình chuyển từ xã lên phường cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với địa phương trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện. Trước hết, yêu cầu về đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn phường sẽ cần nguồn kinh phí lớn, trong khi khả năng cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế. Một số tuyến giao thông, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, cảnh quan đô thị và các công trình công cộng hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đô thị đồng bộ, hiện đại.

Quá trình đô thị hóa nhanh cũng có thể tạo áp lực đối với công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm và an sinh xã hội. Chuyển đổi chức năng cần thời gian phải giải quyết quy hoạch đất đai, pháp lý sau sáp nhập. Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ ngày càng tăng có thể phát sinh những khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư và chuyển đổi ngành nghề cho người dân.

Ngoài ra, việc chuyển đổi mô hình quản lý từ nông thôn sang đô thị đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý đô thị, ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một bộ phận người dân vẫn còn sản xuất nông nghiệp, thói quen sinh hoạt mang tính nông thôn nên cần có thời gian để thích nghi với môi trường đô thị và các quy định trong công tác quản lý đô thị.

Tuy nhiên, với sự quan tâm lãnh đạo, hỗ trợ của thành phố Đà Nẵng cùng sự đồng thuận của Nhân dân, địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi để từng bước khắc phục khó khăn, phát huy tiềm năng, lợi thế, xây dựng phường Đại Lộc phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại, bền vững trong thời gian tới.

2. Quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

Việc thành lập phường Đại Lộc tạo điều kiện để tổ chức lại hoạt động quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền đô thị, phù hợp với đặc điểm dân cư tập trung và quá trình phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ trên địa bàn. Các chức năng quản lý nhà nước được thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, không còn cấp trung gian, góp phần nâng cao tính tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

Công tác quản lý đất đai, xây dựng và trật tự đô thị được thực hiện gắn với quy hoạch chung đô thị Đại Lộc đến năm 2050, trong đó các khu chức năng như khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ được xác định rõ trong không gian phát triển. Việc chuyển đổi từ đơn vị hành chính nông thôn sang đơn vị hành chính đô thị tạo điều kiện để áp dụng các cơ chế, công cụ quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý đô thị.

Công tác quản lý dân cư và cung cấp dịch vụ công được thực hiện tập trung tại trung tâm hành chính phường, thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa. Việc tổ chức lại đơn vị hành chính tạo điều kiện để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức, gắn với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

Việc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo mô hình phường góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm đô thị trên địa bàn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Trong quá trình chuyển đổi từ xã sang phường, việc tổ chức lại bộ máy và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có thể phát sinh yêu cầu rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, phù hợp với mô hình quản lý đô thị. Một số nội dung liên quan đến tổ chức, phân công nhiệm vụ và quy chế hoạt động cần được điều chỉnh cho phù hợp với đơn vị hành chính mới.

Việc thay đổi đơn vị hành chính dẫn đến yêu cầu cập nhật, điều chỉnh các loại hồ sơ, giấy tờ hành chính của người dân và tổ chức, bao gồm các thông tin liên quan đến địa chỉ hành chính, dữ liệu quản lý và các thủ tục hành chính. Quá trình này cần được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm đồng bộ và thống nhất.

Công tác quản lý đô thị, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, trật tự đô thị và hạ tầng kỹ thuật, đòi hỏi yêu cầu cao hơn so với mô hình quản lý cấp xã trước đây, cần có sự thích ứng trong tổ chức thực hiện và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức.

c) Giải pháp

Để bảo đảm việc tổ chức quản lý nhà nước sau khi thành lập phường Đại Lộc được thực hiện hiệu quả, cần triển khai đồng bộ các giải pháp trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế làm việc phù hợp với mô hình chính quyền đô thị. Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức được thực hiện theo vị trí việc làm, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Công tác rà soát, cập nhật và điều chỉnh các hồ sơ, dữ liệu hành chính được triển khai theo kế hoạch, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ

trong quản lý. Các thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện tại trung tâm hành chính phường, bảo đảm thuận lợi cho người dân và tổ chức trong quá trình giao dịch.

Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ. Đồng thời, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức được thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị.

Các nội dung quản lý nhà nước được tổ chức thực hiện gắn với quy hoạch phát triển đô thị, bảo đảm việc quản lý đất đai, xây dựng, dân cư và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với định hướng phát triển của địa phương.

3. Tác động về đất đai và môi trường

3.1. Tác động về đất đai

Việc chuyển đổi mô hình quản lý từ xã lên phường sẽ tạo ra những tác động sâu rộng và căn bản trong lĩnh vực đất đai. Việc lên phường tạo điều kiện để "đô thị hóa" công tác quản lý đất đai, giúp người dân tiếp cận dịch vụ công nhanh chóng ngay tại cơ sở, đồng thời đảm bảo giá trị quyền sử dụng đất được xác lập theo tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Cụ thể mang lại những lợi ích tích cực như sau:

a) Tích cực

** Về công tác quản lý đất đai*

Việc chuyển từ mô hình xã sang phường giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai; hệ thống quản lý được tổ chức đồng bộ, chặt chẽ hơn theo hướng đô thị.

Công tác quy hoạch được rà soát, điều chỉnh phù hợp với định hướng phát triển đô thị của thành phố, góp phần sử dụng đất hiệu quả hơn. Việc đồng bộ quy hoạch, quản lý đất đai dựa trên quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt, thay vì phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã riêng lẻ.

Xử lý các hành vi vi phạm nghiêm khắc hơn. Theo quy định, các hành vi vi phạm hành chính về đất đai (lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích) tại khu vực phường sẽ bị xử phạt với mức bằng 02 lần so với khu vực xã. Điều này giúp nâng cao tính răn đe và hiệu quả quản lý trật tự xây dựng đô thị.

Giá trị quyền sử dụng đất tăng lên do hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ; tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển thương mại – dịch vụ.

Đẩy mạnh công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ quản lý hiện đại, minh bạch.

Tác động về Nghĩa vụ tài chính và Giá đất: Bảng giá đất đô thị, giá đất tại các vị trí sẽ được điều chỉnh theo bảng giá đất đô thị, thường có mức giá cao hơn đất nông thôn. Điều này tác động trực tiếp đến nguồn thu ngân sách từ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

Ý thức của người dân trong việc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai được nâng cao.

** Về phát triển hạ tầng đô thị*

Phát triển diện mạo đô thị hiện đại, được quy hoạch và quản lý theo tiêu chuẩn đô thị, thúc đẩy đầu tư hạ tầng đồng bộ (Hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, thu gom rác thải được đầu tư nâng cấp theo tiêu chuẩn đô thị) thay vì quản lý theo tiêu chí nông thôn.

Cảnh quan đô thị từng bước được chỉnh trang; tình trạng nhà ở tạm bợ, nhếch nhác giảm dần.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm hơn; tần suất thu gom rác thải sinh hoạt tăng, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân.

Việc quy hoạch các khu dân cư, khu thương mại, công viên cây xanh tạo điều kiện nâng cao chất lượng môi trường sống.

Tăng khả năng tiếp cận các chương trình bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển đô thị xanh của thành phố.

Thu hút đầu tư và phát triển kinh tế, giúp nâng cao giá trị đất đai, thu hút các dự án dịch vụ, thương mại, tạo không gian phát triển mới và nâng cao đời sống người dân.

** Về thực hiện quyền lợi của nhân dân*

Thay đổi tính chất pháp lý và mục đích sử dụng đất về loại đất ở. Toàn bộ diện tích đất ở tại nông thôn (ONT) hiện nay sẽ được chuyển đổi sang đất ở tại đô thị (ODT). Việc này không chỉ là thay đổi tên gọi mà còn thay đổi về tiêu chuẩn quy hoạch, mật độ xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo tiêu chuẩn phường.

Tăng giá trị đất đai: đất tại phường được công nhận là đất đô thị, có giá trị cao hơn nhiều so với đất nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi muốn bán, thế chấp hoặc chuyển nhượng QSD đất.

Nâng cao chất lượng dịch vụ công: Chính quyền tập trung vào quản lý dân cư, dịch vụ công đô thị (hộ tịch, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường) chuyên nghiệp hơn.

b) Hạn chế, khó khăn

** Về đất đai*

Áp lực chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, đất thương mại – dịch vụ tăng nhanh; dễ phát sinh tình trạng phân lô tự phát, xây dựng trái phép nếu quản lý chưa chặt chẽ.

Giá đất tăng nhanh có thể gây khó khăn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai các dự án.

Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển đô thị tăng cao trong khi quỹ đất hạn chế, dễ phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến đất đai.

Một bộ phận người dân còn tâm lý giữ đất nông nghiệp hoặc chưa thích nghi với cơ chế quản lý đô thị.

Mất đi các ưu đãi của khu vực nông thôn: Người dân có thể không còn được hưởng một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, an sinh xã hội dành riêng cho nông thôn. Hạn mức đất ở và công nhận đất ở thường thấp hơn so với xã nông thôn. Người dân và doanh nghiệp phải thay đổi các loại giấy tờ liên quan đến địa chỉ, quyền sử dụng đất, kinh doanh,... từ "xã" thành "phường", gây mất thời gian trong giai đoạn đầu chuyển đổi.

Địa phương thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi từ quy hoạch đất nông nghiệp sang quy hoạch đất ở đô thị, thương mại, dịch vụ. Khối lượng công việc về quản lý đô thị, đất đai, trật tự xây dựng tăng nhanh sau khi thành lập phường.

Tranh chấp đất đai phát sinh: Khi giá đất tăng đột biến, các tranh chấp về ranh giới, thừa kế, đền bù (tranh chấp đất đai) dễ xảy ra phức tạp hơn.

3.2 Tác động về môi trường

a) Tích cực

Việc thành lập phường sau sáp nhập có thể tạo chuyển biến khá lớn cho công tác môi trường: Hạ tầng vệ sinh môi trường được đầu tư đồng bộ hơn; tần suất thu gom rác ổn định hơn do yêu cầu tiêu chuẩn đô thị cao hơn; ý thức người dân về vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị dần cải thiện; có điều kiện huy động nguồn lực xã hội hóa cho cảnh quan, vệ sinh công cộng; nếu vận hành tốt, môi trường đô thị sau khi lên phường thường sạch hơn, chuyên nghiệp hơn và có tính bền vững hơn giai đoạn trước.

Hạn chế tình trạng ngập cục bộ từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước; giảm tình trạng ô nhiễm do chăn nuôi nhỏ lẻ, đốt rác tự phát trong khu dân cư.

b) Hạn chế, khó khăn

- Sau khi thành lập phường, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có xu hướng tăng, thành phần rác đa dạng hơn do tốc độ đô thị hóa, gia tăng dân cư và phát triển thương mại, dịch vụ và yêu cầu công tác vệ sinh môi trường cao hơn;

- Áp lực đối với hệ thống thoát nước do tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân cư; áp lực duy trì cảnh quan, vệ sinh môi trường tại các tuyến đường, khu dân cư và công cộng tăng cao;

- Mật độ dân cư tập trung hơn; hoạt động kinh doanh, dịch vụ tăng; lượng CTRSH tăng nhanh; ở phường, vấn đề môi trường không chỉ là “thu gom rác” mà còn liên quan: Cảnh quan, vỉa hè, kênh mương, quảng cáo, cây xanh, xử lý điểm đen ô nhiễm; sẽ tăng đơn thư phản ánh môi trường do dân cư đông và ý thức quyền đô thị cao hơn nên áp lực xử lý cũng lớn hơn;

- Yêu cầu quản lý chặt hơn, áp lực kinh phí và cơ chế do nhu cầu vệ sinh tăng nhưng đơn giá định mức, cơ chế đặt hàng chưa kịp điều chỉnh.

4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan

a) Tích cực

Việc thành lập phường Đại Lộc sẽ tạo bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý và phát triển không gian đô thị trên địa bàn, góp phần từng bước hình thành diện mạo đô thị văn minh, hiện đại, đồng bộ theo định hướng phát triển chung của thành phố Đà Nẵng.

Hình thành các khu đô thị mới, khu nhà ở liền kề, cao tầng thay cho nhà ở nông thôn phân tán, cảnh quan khang trang hơn; Thay thế đường làng ngõ xóm bằng đường giao thông rộng rãi, có hệ thống cấp thoát nước, điện chiếu sáng hoàn chỉnh; Xây dựng mới hoặc nâng cấp trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa, công viên, cây xanh theo tiêu chuẩn đô thị

Sau khi thành lập phường, công tác quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng sẽ được tăng cường theo hướng thống nhất, chặt chẽ và hiệu quả hơn. Đây là điều kiện quan trọng để kiểm soát quá trình phát triển đô thị, hạn chế tình trạng xây dựng tự phát, bảo đảm phát triển không gian kiến trúc phù hợp với định hướng quy hoạch được phê duyệt.

Việc đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thông, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, cây xanh, công viên và các công trình công cộng

sẽ góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống, nâng cao mỹ quan đô thị và từng bước hoàn thiện các tiêu chí của đơn vị hành chính đô thị.

Cùng với đó, quá trình chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển các khu đô thị mới và mở rộng các không gian thương mại - dịch vụ dọc các trục giao thông chính sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời hình thành các điểm nhấn kiến trúc và cảnh quan đô thị của địa phương.

Việc chuyển đổi mô hình quản lý từ xã sang phường cũng tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động nguồn lực đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng, chỉnh trang đô thị và cải tạo cảnh quan, góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Đại Lộc trong không gian phát triển đô thị phía Tây thành phố Đà Nẵng.

b) Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những tác động tích cực, quá trình phát triển đô thị sau khi thành lập phường cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với công tác quản lý kiến trúc và cảnh quan đô thị.

Tốc độ đô thị hóa nhanh sẽ làm gia tăng áp lực lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện có, nhất là giao thông, thoát nước, xử lý môi trường và các công trình công cộng. Một số khu vực dân cư hiện hữu được hình thành từ trước với kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, kiến trúc thiếu thống nhất, gây khó khăn trong công tác chỉnh trang và tổ chức không gian đô thị. Do đó, cần bổ sung quy hoạch và nguồn kinh phí để thực hiện.

Mật độ dân cư tăng nhanh gây áp lực lên hệ thống giao thông, thoát nước và xử lý nước thải. Nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng và cải tạo cảnh quan đô thị mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Trong khi đó, nhu cầu đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, công viên kết hợp bãi đỗ xe và không gian công cộng ngày càng lớn. Vì vậy, cần bổ sung quy hoạch và nguồn kinh phí để thực hiện.

Ngoài ra, quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý nông thôn sang quản lý đô thị đòi hỏi yêu cầu cao hơn về năng lực quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng và ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Việc từng bước hình thành nếp sống văn minh đô thị, bảo vệ cảnh quan và giữ gìn môi trường sống cần có thời gian và sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trên địa bàn.

5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập phường Đại Lộc tạo điều kiện để tổ chức công tác quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội theo mô hình quản lý đô thị, phù hợp với đặc điểm dân cư tập trung và sự phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hệ thống tổ chức lực lượng được kiện toàn theo mô hình phường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh.

Lực lượng công an được bố trí theo mô hình công an chính quy tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Việc tổ chức lực lượng theo mô hình phường tạo điều kiện để triển khai các nội dung quản lý phù hợp với đặc điểm đô thị, đặc biệt trong công tác quản lý cư trú, quản lý dân cư và phòng, chống tội phạm.

Hệ thống camera an ninh được lắp đặt tại các khu vực trọng điểm, các tuyến giao thông và các khu dân cư, phục vụ công tác giám sát, theo dõi tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Việc sử dụng hệ thống camera góp phần hỗ trợ lực lượng chức năng trong công tác quản lý và xử lý các vụ việc phát sinh.

Các tổ chức tự quản về an ninh trật tự tại khu dân cư được duy trì và hoạt động theo quy định, phối hợp với lực lượng công an trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Các hoạt động tuần tra, kiểm soát được triển khai tại các khu vực trên địa bàn, góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Công tác quốc phòng được tổ chức thực hiện theo quy định, gắn với việc xây dựng khu vực phòng thủ và tổ chức lực lượng dân quân tự vệ tại địa phương. Các nội dung về huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng được triển khai theo kế hoạch.

Việc thành lập phường tạo điều kiện để tổ chức công tác quốc phòng, an ninh gắn với không gian đô thị, bảo đảm sự phối hợp giữa các lực lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Trong quá trình chuyển đổi từ xã sang phường, việc gia tăng dân số cơ học do phát triển thương mại và dịch vụ làm tăng số lượng người đến sinh sống và làm việc trên địa bàn Đại Lộc, đặt ra yêu cầu đối với công tác quản lý cư trú và bảo đảm an ninh trật tự.

Hệ thống hạ tầng đô thị, bao gồm giao thông, chiếu sáng, các khu dân cư, đang trong quá trình hoàn thiện theo quy hoạch, do đó việc tổ chức bảo đảm an ninh trật tự tại các khu vực phát triển mới cần được triển khai đồng bộ với quá trình phát triển hạ tầng. Việc chuyển đổi đơn vị hành chính có thể phát sinh yêu cầu điều chỉnh về tổ chức, phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các lực

lượng trong công tác quốc phòng, an ninh, cần được thực hiện phù hợp với mô hình phường.

c) Giải pháp

Để bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội sau khi thành lập phường Đại Lộc được thực hiện hiệu quả, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức lực lượng công an phường theo quy định, bảo đảm đủ lực lượng, phương tiện và điều kiện để thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn.

Công tác quản lý cư trú được triển khai gắn với cơ sở dữ liệu dân cư, bảo đảm quản lý chặt chẽ dân cư trên địa bàn, đặc biệt tại các khu vực có đông người lao động đến sinh sống và làm việc. Các nội dung quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Việc duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống camera an ninh được tiếp tục triển khai, gắn với công tác giám sát, theo dõi và xử lý các tình huống liên quan đến an ninh trật tự. Hệ thống camera được sử dụng phục vụ công tác quản lý và bảo đảm an ninh trên địa bàn.

Các hoạt động tuần tra, kiểm soát được tổ chức tại các khu vực dân cư, các tuyến giao thông và các khu vực trọng điểm, góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Các tổ chức tự quản tại khu dân cư tiếp tục được duy trì và phát huy vai trò trong công tác bảo đảm an ninh trật tự.

Công tác quốc phòng tiếp tục được triển khai theo quy định, gắn với việc xây dựng khu vực phòng thủ và tổ chức lực lượng dân quân tự vệ tại địa phương. Các nội dung huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu được thực hiện theo kế hoạch.

Các giải pháp về quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

6. Tác động về kinh phí

Việc thành lập phường Đại Lộc sẽ tác động sâu rộng đến nguồn lực tài chính và kinh phí của địa phương. Dưới đây là các tác động trọng tâm:

a) Tích cực

- Tăng nguồn thu ngân sách: Khi lên phường, các loại phí, lệ phí và thuế (đặc biệt là thuế đất, thuế kinh doanh, dịch vụ) sẽ được áp dụng theo khung đô thị, giúp nguồn thu tại chỗ của địa phương tăng mạnh.

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công: Phường sẽ được thành phố Đà Nẵng ưu tiên bố trí kinh phí trong kế hoạch đầu tư trung hạn để hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật

(đường sá, chiếu sáng, thoát nước) và hạ tầng xã hội (trường học, y tế) theo tiêu chuẩn đô thị loại I.

- Thu hút vốn xã hội hóa: Vị thế "phường" tạo sức hút lớn đối với các nhà đầu tư vào các dự án khu dân cư, trung tâm thương mại và dịch vụ, giúp huy động nguồn vốn ngoài ngân sách để phát triển địa phương.

- Nâng cấp giá trị tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất tăng cao giúp địa phương có nguồn lực kinh phí lớn thông qua việc đấu giá các quỹ đất sạch để tái đầu tư phát triển hạ tầng.

b) Khó khăn, thách thức

- Nhu cầu kinh phí đầu tư cực lớn: Để lấp đầy khoảng cách giữa hạ tầng nông nghiệp hiện nay và tiêu chuẩn "Phường kiểu mẫu" cần một nguồn kinh phí khổng lồ, tạo áp lực lớn lên ngân sách thành phố và địa phương.

- Chi phí vận hành bộ máy tăng: Việc chuyển đổi sang chính quyền đô thị, trang bị công nghệ số, và vận hành các dịch vụ công ích đô thị (thu gom rác, xử lý nước thải, duy tu chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng) yêu cầu kinh phí duy trì thường xuyên cao hơn nhiều so với mô hình xã.

- Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: Do giá đất tăng cao, việc triển khai các dự án hạ tầng công cộng sẽ gặp khó khăn về kinh phí đền bù, hỗ trợ tái định cư cho người dân.

- Áp lực an sinh xã hội: Cần nguồn kinh phí đáng kể để đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho bộ phận lao động nông nghiệp bị mất đất sản xuất, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình đô thị hóa.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA PHƯỜNG ĐẠI LỘC SAU KHI THÀNH LẬP

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển tổng quát

1.1. Quan điểm: Phát triển nhanh nhưng phải bền vững, lấy người dân làm trung tâm. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.

1.2. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng phường Đại Lộc trở thành đô thị hiện đại, văn minh, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, đạt các tiêu chí của đô thị loại I.

2. Một số mục tiêu cụ thể

Huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội;

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; giải quyết việc làm; phát triển giáo dục - đào tạo; tăng cường quốc phòng - an ninh; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian tới.

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế: Hoàn tất chuyển dịch sang mô hình Thương mại - Dịch vụ (45%) - Công nghiệp - Xây dựng (50%) - Nông nghiệp đô thị (5%).

- Trọng tâm: Phát huy tối đa hiệu suất 6 cụm công nghiệp; hình thành các tuyến phố chuyên doanh và trung tâm thương mại tại khu vực Ái Nghĩa.

- Thu nhập: Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người tăng từ 1.5 - 2 lần so với giai đoạn 2025.

b) Quy hoạch, phát triển đô thị, xây dựng, môi trường

Phường Đại Lộc sau khi thành lập được định hướng phát triển theo mô hình đô thị văn minh, hiện đại, gắn với vai trò là khu vực động lực phát triển phía Tây thành phố Đà Nẵng; phát triển hài hòa giữa đô thị hóa, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tập trung xây dựng phường Đại Lộc phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; phát huy vai trò là khu vực trung tâm phát triển của địa phương và là đầu mối kết nối khu vực phía Tây thành phố Đà Nẵng.

Hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị của thành phố Đà Nẵng; bảo đảm công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai và quản lý trật tự xây dựng được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là các công trình giao thông kết nối, hệ thống cấp thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh đô thị, hạ tầng môi trường và các công trình công cộng phục vụ dân sinh; từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị và khả năng kết nối giữa các khu vực trên địa bàn.

Tập trung triển khai các dự án, công trình động lực và các dự án phát triển đô thị trên địa bàn, các khu tái định cư, khu dân cư, các dự án chỉnh trang khu vực trung tâm Ái Nghĩa, các tuyến giao thông liên kết vùng và các dự án đô thị đang kêu gọi đầu tư; qua đó mở rộng không gian đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh chỉnh trang đô thị, cải tạo cảnh quan các tuyến đường chính, khu dân cư hiện hữu và các khu vực trung tâm; từng bước hình thành các tuyến phố

văn minh đô thị, không gian công cộng, khu thương mại - dịch vụ và các điểm nhân kiến trúc phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

Khuyến khích phát triển đô thị theo hướng xanh, bền vững, thân thiện môi trường; tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải, cải thiện chất lượng môi trường sống và nâng cao tỷ lệ cây xanh đô thị. Đồng thời, chú trọng bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan tự nhiên và các yếu tố đặc trưng của địa phương trong quá trình phát triển đô thị.

Từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của đơn vị hành chính cấp phường; xây dựng Đại Lộ trở thành khu vực đô thị phát triển đồng bộ, hiện đại, có môi trường sống văn minh, an toàn và bền vững trong thời gian tới.

c) Y tế

- Bao phủ Bảo hiểm Y tế: Phần đầu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 97% .

- Chăm sóc sức khỏe toàn dân: Triển khai các kế hoạch tầm soát sức khỏe toàn dân và xây dựng mạng lưới y tế dự phòng chủ động phòng chống dịch bệnh.

- Củng cố hạ tầng và mạng lưới y tế cơ sở: Sắp xếp hệ thống các điểm Trạm Y tế: Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của 5 trạm y tế cơ sở (từ các đơn vị sáp nhập cũ) để đảm bảo đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu theo tiêu chuẩn đô thị. Kiến nghị hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cận lâm sàng tối thiểu tại các trạm y tế để người dân có thể tiếp cận dịch vụ chất lượng ngay tại địa phương, để đáp ứng mỗi người dân được khám chữa bệnh miễn phí 1 lần/năm.

- Phát triển nguồn nhân lực: Bổ sung bác sĩ: Ưu tiên bổ sung nhân lực y tế, đặc biệt là đội ngũ bác sĩ có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tuyến cơ sở thông qua các cơ chế thu hút phù hợp. Đào tạo chuyên sâu, xây dựng các ekip y tế chuyên sâu và tăng cường hỗ trợ chuyên môn từ Bệnh viện Đa khoa Khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam hiện đang được đầu tư mở rộng các khoa chuyên sâu.

- Ứng dụng công nghệ và Chuyển đổi số: Y tế thông minh, là một trong nhiệm vụ đột phá về chuyển đổi số, xã định hướng xây dựng hạ tầng công nghệ số để quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và triển khai các dịch vụ tư vấn y tế trực tuyến.

d) Giáo dục đào tạo

Sau khi thành lập phường, địa phương tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và triển khai hiệu

quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong đó tập trung thực hiện các mục tiêu chủ yếu sau:

Tiếp tục củng cố, sắp xếp và phát triển mạng lưới trường lớp phù hợp với quy hoạch đô thị, phân bố dân cư và nhu cầu học tập của nhân dân; đảm bảo đủ trường, lớp học cho học sinh ở các cấp học, hạn chế tình trạng quá tải cục bộ.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Phấn đấu duy trì tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh ra lớp hằng năm; nâng cao tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại; ưu tiên xây dựng, nâng cấp phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ, thư viện, phòng tin học; bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu, máy tính, thiết bị trình chiếu, bàn ghế và các điều kiện phục vụ dạy học theo quy định.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng kiểm định giáo dục, trường đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu 100% trường công lập giữ vững chuẩn quốc gia, trong đó tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của phường trong giai đoạn mới.

d) Văn hóa xã hội - thông tin thể thao

- Về đời sống văn hóa

+ Thiết chế văn hóa cơ sở: Nhà văn hóa, khu trung tâm Thể dục thể thao phường đạt chuẩn; 100% tổ dân phố có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn. Các Di tích được bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử.

+ Danh hiệu: Phấn đấu 95% trở lên hộ gia đình đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Gia đình văn hóa", trên 90% tổ dân phố đạt chuẩn "Tổ dân phố văn hóa"; 97% tộc họ đạt Danh hiệu "Tộc văn hóa". Đề xuất khen thưởng từ 05-10 % các danh hiệu văn hóa hàng năm.

+ Hoạt động: Tổ chức thường niên các hoạt động văn nghệ, thể thao, kỷ niệm ngày lễ lớn tại địa phương, đảm bảo 100% tổ dân phố có đội văn nghệ quần chúng.

- Hoạt động Thể dục - Thể thao

+ Thiết chế: Bảo đảm khu vui chơi cho trẻ em; 100% thôn có điểm vui chơi, giải trí độc lập hoặc sân tập thể thao cho người già và trẻ em.

+ Phong trào: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên đạt trên 50-60%. Số gia đình thể thao đạt 40%.

+ Xã hội hóa: Khuyến khích xây dựng các phòng tập gym, sân bóng đá cỏ nhân tạo, bể bơi do tư nhân quản lý.

- Công tác Gia đình

+ Tuyên truyền: 100% hộ dân được phổ biến về pháp luật hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, tiếp cận bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

+ Mô hình: Xây dựng và duy trì các câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững", gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ "Nuôi dạy con tốt".

- Lĩnh vực thông tin

Phường Đại Lộc định hướng phát triển hệ thống thông tin cơ sở theo hướng hiện đại, chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận; bảo đảm mọi người dân được tiếp nhận thông tin chính thống của chính quyền qua nhiều kênh khác nhau. Tiếp tục duy trì và khai thác hiệu quả các kênh thông tin hiện có, gồm hệ thống truyền thanh cơ sở, Trang thông tin điện tử, Zalo OA, mạng xã hội chính thống, bảng tin, pano, băng rôn, khẩu hiệu, các nhóm thông tin cộng đồng và điểm Wi-Fi công cộng tại các khu dân cư.

Trên cơ sở hiện trạng xã đã có 100% thôn có sóng thông tin di động; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 4G đạt 100% địa bàn; Internet di động băng rộng phủ 100% các thôn; Internet cáp quang tốc độ cao được triển khai đến 100% khu vực trung tâm xã và từng bước mở rộng đến các khu dân cư; 33/33 thôn đã được lắp đặt điểm Wi-Fi công cộng tại nhà văn hóa thôn; hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông với 81 cụm loa IP phủ khắp các thôn, sau khi thành lập phường cần tiếp tục duy trì, nâng cấp, quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống này theo mô hình khu dân cư, tổ dân phố trong điều kiện đô thị.

Đồng thời, Phường Đại Lộc tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh lộ trình mở rộng vùng phủ sóng 5G trên địa bàn, ưu tiên khu vực trung tâm hành chính, khu dân cư đông đúc, cơ quan, trường học, cơ sở y tế, khu

thương mại - dịch vụ, các điểm sinh hoạt cộng đồng và những nơi có nhu cầu sử dụng dữ liệu lớn. Phân đầu từng bước hình thành hạ tầng viễn thông băng rộng, tốc độ cao, ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, học tập trực tuyến, sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm, tiếp cận thông tin và tham gia các hoạt động trên môi trường mạng.

Đổi mới nội dung, phương thức thông tin, tuyên truyền theo hướng ngắn gọn, thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện; tăng cường sản xuất tin, bài, hình ảnh, video, infographic, bản tin số và các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng. Nội dung thông tin tập trung vào chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cải cách hành chính, chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, an toàn thông tin, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, trật tự đô thị, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của phường.

Nâng cao vai trò của Trang thông tin điện tử, Zalo OA và các kênh thông tin chính thống của phường trong công khai, minh bạch hoạt động chỉ đạo, điều hành; kịp thời cung cấp thông tin, phản ánh hoạt động của địa phương, quảng bá hình ảnh Đại Lộc, đồng thời tạo kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Từng bước ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong biên tập, tổng hợp, lan tỏa thông tin, theo dõi dư luận xã hội, nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách và phục vụ công tác điều hành của chính quyền phường.

e) Hoạt động nội chính

- Tổ chức chính quyền & Cải cách hành chính: Chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình Chính quyền số. Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 90% .

- Công tác giữ gìn an ninh trật tự: Duy trì mô hình "Phường không ma túy"; vận hành hệ thống camera giám sát thông minh toàn địa bàn để phòng chống tội phạm và quản lý trật tự giao thông.

- Đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở và phổ biến giáo dục pháp luật đến tận người dân, đảm bảo mọi mâu thuẫn được giải quyết ngay từ cấp khối phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công cPhức, viên chức

a) Đảng ủy

- Tên gọi: Đảng bộ phường Đại Lộc.
- Loại hình tổ chức Đảng: Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng.
- Mối quan hệ công tác với cấp ủy Thành phố: Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Thành ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy.
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư.
- Số lượng tổ chức đảng trực thuộc như sau: 36 chi bộ trực thuộc (*gồm 33 chi bộ khu phố và 03 chi bộ HTX*), 26 chi, đảng bộ ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.
- Về cơ cấu, số lượng cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra đảng ủy phường:
 - + Ban Chấp hành: 26 đồng chí cơ cấu giữ nguyên như hiện nay.
 - + Ban Thường vụ: 09 đồng chí cơ cấu giữ nguyên như hiện nay.
 - + Thường trực Đảng ủy phường có 03 đồng chí được cơ cấu như sau: Đồng chí Bí thư Đảng ủy; 02 Phó Bí thư (01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường).
 - + Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường theo quy định, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
- Về cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc Đảng ủy phường: được lập 03 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc gồm: (1) Văn phòng Đảng ủy, (2) Ban Xây dựng Đảng, (3) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và 01 đơn vị sự nghiệp của Đảng ủy phường (Trung tâm chính trị Đại Lộc).
- Số lượng biên chế chuyên trách công tác đảng (bao gồm biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp đảng ủy, bí thư, phó bí thư thường trực đảng ủy phường) trước mắt bố trí biên chế hiện có.
- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Đại Lộc: được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cơ cấu của Hội đồng nhân dân phường gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 Phó Chủ tịch chuyên trách, 02 ban HĐND xã và 26 đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Cơ cấu Ủy ban nhân dân phường gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân. UBND phường Đại Lộc có các cơ quan chuyên

môn và 01 tổ chức hành chính, 18 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (căn cứ theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025).

- Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể gồm cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và 05 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn): giữ nguyên số lượng như hiện nay.

- Sắp xếp nhân sự: Thực hiện sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức hiện có của phường Đại Lộc sang chức danh tương đương tại phường.

- Nâng cao năng lực: Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ quản lý đô thị cho cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa bàn phường (thay vì quản lý nông thôn như trước đây).

Nhìn chung, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của phường sau khi thành lập cơ bản được kế thừa từ bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của xã hiện có; đồng thời được sắp xếp, bố trí lại một số chức danh cho phù hợp với tính chất đơn vị hành chính đô thị. Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, sẽ chú trọng bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân phường, sẽ tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường và các chuyên đề liên quan đến quản lý đô thị, xây dựng nhằm phát huy tốt hơn vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thành lập Công an phường Đại Lộc

Thực hiện chuyển đổi nguyên trạng Công an xã Đại Lộc thành Công an phường Đại Lộc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Công an xã, phường do Bộ Công an quy định. Theo đó, Công an phường Đại Lộc thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, có trách nhiệm tham mưu với Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đại Lộc và cấp trên về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an; trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự; xây dựng lực lượng Công an phường trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Về tổ chức bộ máy, biên chế: Tổ chức bộ máy Công an phường theo quy định của Bộ Công an an đảm bảo chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; có biên chế đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ và quy mô dân số trên 62.684 dân của phường loại I.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Công an phường với các ngành, lực lượng khác xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ:

Việc chuyển đổi các loại giấy tờ của tổ chức, cá nhân khi thành lập phường Đại Lộc được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây xáo trộn, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Nguyên tắc thực hiện chuyển đổi là các loại giấy tờ đã được cấp trước khi thành lập phường, nếu còn thời hạn sử dụng thì tiếp tục có giá trị pháp lý; việc điều chỉnh thông tin về địa danh hành chính được thực hiện khi người dân, tổ chức có nhu cầu hoặc khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

Tổ chức rà soát, thống kê các loại giấy tờ cần thực hiện chuyển đổi, bao gồm giấy tờ về hộ tịch, cư trú, đất đai, đăng ký kinh doanh, giấy phép xây dựng và các loại giấy tờ khác có liên quan đến thông tin địa danh hành chính; xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi phù hợp với từng lĩnh vực.

Việc chuyển đổi thông tin trên các loại giấy tờ được thực hiện theo lộ trình, gắn với quá trình giải quyết thủ tục hành chính, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải thực hiện đồng loạt; bảo đảm đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian thực hiện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác chuyển đổi giấy tờ, cập nhật, đồng bộ dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp và các lĩnh vực khác trên hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm thống nhất, chính xác và thuận tiện trong quản lý.

Tổ chức thực hiện việc niêm yết, công khai quy trình, thủ tục chuyển đổi giấy tờ tại trụ sở cơ quan hành chính và trên các phương tiện thông tin, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp nắm bắt và thực hiện.

Bố trí cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh, bảo đảm quá trình chuyển đổi diễn ra thuận lợi, đúng quy định.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ chủ trương và quy định về chuyển đổi giấy tờ khi thành lập phường, tạo sự đồng thuận và thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Việc thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ bảo đảm đúng quy định, không làm gián đoạn các hoạt động của người dân và doanh nghiệp, góp phần ổn định

tình hình và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phường.

IV. LỘ TRÌNH, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ HIỆN CÒN CHƯA ĐẠT

1. Các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt

Trên cơ sở đối chiếu với các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, xã Đại Lộc cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, cơ cấu kinh tế và vị trí, chức năng theo quy hoạch. Tuy nhiên, một số tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật đô thị và môi trường còn chưa đạt hoặc chưa bảo đảm theo yêu cầu, cần có lộ trình và giải pháp cụ thể để hoàn thiện

Đối với hệ thống thoát nước đô thị, theo yêu cầu phải được đầu tư đồng bộ, tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, nhưng hiện nay trên địa bàn chủ yếu vẫn là hệ thống thoát nước tự nhiên kết hợp với một số công trình nhỏ lẻ, chưa được đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch, do đó chưa đáp ứng tiêu chuẩn đô thị.

Về xử lý nước thải sinh hoạt chưa bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển đô thị. Giải pháp thực hiện tiêu chí này, ngày 17/3/2026 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 1780/UBND-SXD về việc triển khai các dự án mở rộng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ); theo đó các ngành đề xuất đầu tư nâng cấp công suất 01 Trạm xử lý nước thải Cầu phốc từ 450m³/ng.đ lên 1.200m³/ng.đ, đầu tư mới 01 Trạm xử lý nước thải công suất 1.000m³/ng.đ và đầu tư hoàn chỉnh hệ thống tuyến ống nước thải trên khu vực với nguồn vốn ngân sách thành phố khoảng 120 tỷ đồng để xử lý nước thải đảm bảo theo quy định.

Hệ thống giao thông đô thị trên địa bàn đã hình thành các tuyến trục chính theo quy hoạch, tuy nhiên hệ thống giao thông nội bộ và các tuyến kết nối chưa được đầu tư hoàn chỉnh, chưa bảo đảm tính đồng bộ của hạ tầng đô thị.

Bên cạnh đó, hạ tầng môi trường đô thị trên địa bàn nhìn chung chưa được đầu tư đồng bộ, thể hiện qua các nội dung như tỷ lệ sử dụng nước sạch còn thấp, hệ thống thoát nước chưa hoàn chỉnh và công tác xử lý chất thải chưa đạt yêu cầu, do đó tiêu chí về môi trường đô thị chưa đáp ứng theo quy định.

Ngoài các tiêu chí nêu trên, các tiêu chuẩn khác của đơn vị hành chính phường như quy mô dân số, diện tích tự nhiên, vị trí, chức năng theo quy hoạch và cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cơ bản đã đáp ứng theo quy định.

2. Lộ trình, giải pháp khắc phục:

Để bảo đảm hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng kỹ thuật đô thị còn chưa đạt theo quy định, xã Đại Lộc xây dựng lộ trình triển khai thực hiện trong năm 2026-2027, phân đầu hoàn thành cơ bản trước quý II năm 2027, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn chuẩn bị (Quý II/2026 – Quý III/2026)

Tổ chức rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, làm cơ sở triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Lập danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư để khắc phục các tiêu chí chưa đạt, tập trung vào hệ thống cấp nước sạch, thoát nước đô thị, xử lý chất thải và giao thông nội bộ.

Tổ chức khảo sát, lập hồ sơ đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu; hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Đồng thời, triển khai công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội hóa và nguồn vốn ngoài ngân sách để tham gia đầu tư phát triển hạ tầng.

b) Giai đoạn triển khai đầu tư (Quý IV/2026 – Quý I/2027)

Tập trung triển khai các dự án cấp nước sạch, mở rộng mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn, nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch từ khoảng 50% lên mức cao hơn, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đô thị.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị theo quy hoạch, từng bước xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, ưu tiên tại các khu trung tâm và khu dân cư tập trung.

Tổ chức các giải pháp nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, mở rộng phạm vi thu gom, nâng tỷ lệ thu gom đạt mức tiệm cận tiêu chuẩn đô thị.

Triển khai các dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông nội bộ và các tuyến kết nối theo quy hoạch, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống giao thông đô thị.

Đồng thời, tăng cường công tác quản lý môi trường, kiểm soát các nguồn thải, đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

c) Giai đoạn hoàn thiện (trước tháng 8 quý II/2027)

Hoàn thành cơ bản các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu đã triển khai; đưa vào vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống cấp nước, thoát nước và thu gom chất thải.

Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đô thị, rà soát mức độ đáp ứng theo quy định; hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chứng minh việc khắc phục các tiêu chí chưa đạt.

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các công trình hạ tầng; tiếp tục hoàn thiện các nội dung còn lại, bảo đảm các tiêu chí hạ tầng kỹ thuật đô thị được nâng lên đáp ứng yêu cầu.

d) Giải pháp bảo đảm thực hiện

Để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đô thị và đáp ứng yêu cầu quản lý của đơn vị hành chính cấp phường trong giai đoạn mới, Đại Lộc tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gắn với định hướng phát triển đô thị của thành phố Đà Nẵng và thực tiễn phát triển của địa phương.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện; bảo đảm tiến độ triển khai các dự án. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường; phát huy vai trò cộng đồng trong xây dựng cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp, văn minh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án hạ tầng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, quy hoạch chi tiết và quy hoạch sử dụng đất bảo đảm thống nhất, đồng bộ với định hướng phát triển không gian đô thị phía Tây thành phố Đà Nẵng; tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc và kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Ưu tiên huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư để hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nhất là các công trình giao thông kết nối, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, hạ tầng môi trường, công viên cây xanh, trường học, thiết chế văn hóa và các công trình phục vụ dân sinh; từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn như dự án Đường từ ĐT609B nối ĐT609 đến trung tâm huyện Đại Lộc, Đường tránh phía Tây thị trấn Ái Nghĩa, Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị

trần Ái Nghĩa,... các khu tái định cư, khu dân cư, các dự án chỉnh trang khu vực trung tâm Ái Nghĩa, các tuyến giao thông liên kết vùng và các dự án phát triển đô thị đang kêu gọi đầu tư; qua đó mở rộng không gian đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh công tác chỉnh trang đô thị, cải tạo cảnh quan các tuyến đường chính, khu dân cư hiện hữu; tăng cường quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; từng bước hình thành các tuyến phố văn minh đô thị, không gian công cộng và cảnh quan đô thị phù hợp với vai trò, vị trí của phường trung tâm khu vực phía Tây thành phố Đà Nẵng.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng; khuyến khích phát triển các ngành nghề sản xuất, kinh doanh phù hợp với định hướng đô thị; nâng cao tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực và thu nhập của người dân.

Với vị trí là khu vực trung tâm phát triển của địa phương, hệ thống hạ tầng đang từng bước được đầu tư đồng bộ, cùng tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng rõ nét, Đại Lộc có đầy đủ điều kiện để tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của đơn vị hành chính cấp phường trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Phần thứ năm **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. KẾT LUẬN

Căn cứ các quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị hành chính; căn cứ Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; trên cơ sở rà soát hiện trạng, đánh giá toàn diện các điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật và định hướng quy hoạch phát triển đô thị, có thể khẳng định xã Đại Lộc cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Xã Đại Lộc có quy mô dân số lớn, diện tích đạt và vượt tiêu chuẩn theo quy định; có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong định hướng phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm tỷ lệ cao; hệ thống 8 cụm công nghiệp trên địa bàn phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và thu hút dân cư tập trung, hình thành rõ nét các yếu tố của đô thị.

Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư, các thiết chế giáo dục, y tế, văn hóa được quan tâm phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhân

dân; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong tình hình mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua đánh giá thực trạng cho thấy một số tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật đô thị và môi trường trên địa bàn còn chưa đạt hoặc chưa bảo đảm tính đồng bộ theo yêu cầu của đơn vị hành chính đô thị. Cụ thể, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch còn thấp so với tiêu chuẩn; hệ thống thoát nước đô thị chưa được đầu tư hoàn chỉnh, chủ yếu là hệ thống thoát nước tự nhiên; chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; tỷ lệ thu gom chất thải rắn chưa đạt tiêu chuẩn đô thị; hệ thống giao thông nội bộ và các tuyến kết nối chưa được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch.

Các tồn tại, hạn chế nêu trên là đặc điểm chung của địa phương đang trong quá trình chuyển đổi từ khu vực nông thôn sang đô thị, hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch. Tuy nhiên, các tiêu chí này đã được xác định rõ trong quy hoạch chung đô thị Đại Lộc và đã được cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch và lộ trình đầu tư phát triển hạ tầng, phân đấu hoàn thiện cơ bản trước quý I năm 2027.

Từ những phân tích nêu trên, có thể khẳng định rằng xã Đại Lộc bảo đảm các điều kiện cần thiết để thành lập phường theo quy định của pháp luật. Việc thành lập phường Đại Lộc là phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển đô thị của địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để huy động nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

II. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả đánh giá các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập phường và định hướng phát triển đô thị trên địa bàn, để bảo đảm việc thành lập phường Đại Lộc được triển khai đúng quy định, đồng thời tạo điều kiện hoàn thiện các tiêu chí đô thị còn chưa đạt, đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, hỗ trợ một số nội dung trọng tâm sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng

Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố và cấp có thẩm quyền quyết định thành lập phường Đại Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Đại Lộc, bảo đảm phù hợp với quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt và định hướng phát triển của Thành phố.

Quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời có cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, tập trung vào các tiêu chí hiện còn chưa đạt hoặc chưa đồng bộ, cụ thể như sau:

Đối với tiêu chí cấp nước sạch, đề nghị Thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước tập trung, nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường ống phân phối nước đến các khu dân cư, cụm công nghiệp và khu vực dự kiến phát triển đô thị; đồng thời kêu gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư theo hình thức xã hội hóa nhằm nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn đô thị trong thời gian sớm nhất.

Đối với hệ thống thoát nước đô thị, đề nghị Thành phố hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải theo quy hoạch, ưu tiên các khu vực trung tâm, khu dân cư tập trung và các tuyến trục chính; từng bước hình thành hệ thống thoát nước đồng bộ, tách riêng nước mưa và nước thải, bảo đảm tiêu chuẩn đô thị.

Đối với xử lý nước thải sinh hoạt, đề nghị Thành phố quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung trên địa bàn; đồng thời nghiên cứu, áp dụng các mô hình xử lý phù hợp với điều kiện thực tế, từng bước hoàn thiện tiêu chí môi trường đô thị.

Đối với hệ thống giao thông đô thị, đề nghị Thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông nội bộ, các tuyến kết nối giữa khu dân cư và khu trung tâm; đồng thời đầu tư các tuyến giao thông theo quy hoạch nhằm bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị.

Chỉ đạo các sở, ngành liên quan hướng dẫn địa phương trong việc triển khai các dự án đầu tư hạ tầng; đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt các dự án; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các công trình.

Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, bảo đảm việc phát triển đô thị trên địa bàn phường Đại Lộc được thực hiện đúng định hướng, đồng bộ và bền vững.

2. Đối với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương

Đề nghị Bộ Nội vụ và các cơ quan Trung ương xem xét, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập phường Đại Lộc theo quy định.

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương quan tâm ưu tiên bố trí nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ phát triển đô thị và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ địa phương đầu tư các công trình hạ tầng

thiết yếu, nhất là các lĩnh vực cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường và phát triển giao thông đô thị.

Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng đô thị theo hình thức đối tác công - tư (PPP), góp phần giảm áp lực cho ngân sách nhà nước và đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí đô thị.

3. Đối với địa phương

Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong đề án; chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để hoàn thiện các tiêu chí đô thị còn chưa đạt trước quý I năm 2027.

Tăng cường công tác huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt trong các lĩnh vực cấp nước, xử lý môi trường và phát triển giao thông. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng và môi trường; bảo đảm việc phát triển đô thị trên địa bàn được thực hiện đồng bộ, đúng định hướng. Phát huy vai trò của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng đô thị văn minh, bảo vệ môi trường và thực hiện các tiêu chí đô thị; tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện đề án.

Trên đây là Đề án thành lập phường Đại Lộc trên cơ sở nguyên trạng xã Đại Lộc thuộc thành phố Đà Nẵng, kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Đỗ Tuấn Khương

Phụ lục
ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẠI LỘC
(Kèm theo Đề án số 05 /ĐA-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.)

TT	TIÊU CHÍ	Đánh giá hiện trạng	
		Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	Quy mô dân số là 62.684 vượt 298,5% so với tiêu chuẩn quy định về quy mô dân số đối với việc thành lập phường.	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	Xã Đại Lộc có diện tích tự nhiên là 73,97 km ² vượt 1.334% so với tiêu chuẩn quy định về diện tích tự nhiên đối với việc thành lập phường.	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	xã Đại Lộc được xác định: Vùng huyện Đại Lộc (cũ) là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Quảng Nam, tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng, có vai trò quan trọng trong sự kết nối kinh tế Trung Trung Bộ với Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp.	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	Quy mô dân số đô thị của xã là 32.645.người/62.684 người Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 52,08% .	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	Tổng thu ngân sách xã so với tổng chi ngân sách xã: 393.266 triệu đồng/ 393.266 triệu đồng, đạt 100%.	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Đánh giá hiện trạng	
		Hiện trạng	Đánh giá
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP (70%)	Tỷ trọng tổng sản phẩm các ngành Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ trong GRDP đạt 80,50% .	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	Số lượng lao động: 30.237. Lao động phi nông nghiệp: 22.615 Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: 74,79 %.	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh, thành phố mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất Năm 2023: ... triệu Năm 2024: ... triệu Năm 2025: ... triệu	- Năm 2023: Thu nhập bình quân đầu người của xã/tỉnh Quảng Nam: 62,6/45,8 triệu đồng. - Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người của xã/ tỉnh Quảng Nam: 63,8/53,6 triệu đồng. - Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của xã/thành phố Đà Nẵng: 66,91/66,4 triệu đồng.	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh, thành phố trực thuộc trong 03 năm gần nhất	- Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,52% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của thành phố: 3,77%. - Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,45% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của thành phố: 3,07%. - Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025) của xã: 0,45% < Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn thành phố Đà Nẵng): 2,48%.	Đạt